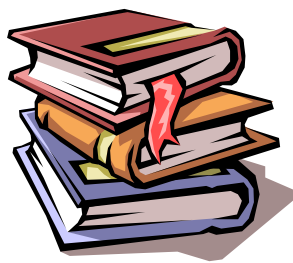


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG.....

# Luận văn tốt nghiệp

**Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải**



## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế nước ta chuyển từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, chịu sự tác động của nền kinh tế thị trường là thách thức lớn với mọi thành phần kinh tế. Bởi vậy một doanh nghiệp muốn tồn tại, đứng vững trong thị trường kinh doanh hiện nay tùy thuộc vào kết quả quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà cụ thể là các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và lợi nhuận. Điều này đòi hỏi các nhà quản lý, các chủ doanh nghiệp cần phải giám sát chỉ đạo thực hiện sát sao mọi hoạt động kinh doanh diễn ra trong đơn vị mình. Để thực hiện tốt vấn đề này không gì thay thế ngoài việc hạch toán đầy đủ, chi tiết và kịp thời mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, bởi thông qua hạch toán các khoản doanh thu, chi phí đảm bảo được tính đúng đắn, đầy đủ từ đó xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, em nhận thấy để có thể tồn tại và phát triển, doanh nghiệp phải xây dựng cho mình chiến lược cụ thể nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và đặc biệt là thúc đẩy công tác tiêu thụ tìm đầu ra cho sản phẩm của doanh nghiệp mình. Thông qua tiêu thụ sản phẩm thì doanh nghiệp mới có vốn để tiến hành tái mở rộng, tăng tốc độ lưu chuyển vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Xuất phát từ thực tiễn trên em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải”** làm khoá luận tốt nghiệp của mình.

Khoá luận gồm 3 chương:

*CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

*CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.*

*CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.*

Em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các anh chị trong phòng kế toán của công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Sinh viên

Lê Việt Phương

**CHƯƠNG 1**

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

**1.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

❖ **Doanh thu** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ **Chi phí sản xuất kinh doanh** là tổng giá trị các khoản làm giảm các lợi ích kinh tế trong thời kỳ kế toán dưới hình thức các khoản chi tiền ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cổ đông hoặc chủ sở hữu.

❖ **Xác định kết quả kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

☛ Hoạt động sản xuất kinh doanh trong DN gồm 3 hoạt động cơ bản, đó là:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

**Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của các ngành sản xuất, kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý DN} \end{array}$$

**Trong đó:**

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

◆ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

♦ **Các khoản giảm trừ doanh thu** bao gồm: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

**Chiết khấu thương mại** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế lô hàng mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

**Giảm giá hàng bán** là các khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

**Hàng bán bị trả lại** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

♦ **Giá vốn hàng bán** là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

♦ **Chi phí bán hàng** là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm, bảo quản đóng gói, vận chuyển,...

♦ **Chi phí quản lý doanh nghiệp** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn DN.

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\begin{array}{ccc} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{tài chính} & = & \text{tài chính} \quad - \end{array}$$

♦ **Doanh thu hoạt động tài chính** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới các hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

♦ **Chi phí hoạt động tài chính** bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ **Hoạt động khác**: là các hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

♦ **Thu nhập khác** là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

♦ **Chi phí khác** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

## **1.2. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

❖ **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:**

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu. Đồng thời, kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, NSNN về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.
- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời lập báo cáo tiêu thụ.

❖ **Nhiệm vụ của kế toán chi phí:**

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.
- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

**❖ Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.
- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả của từng hoạt động, cung cấp thông tin phục vụ cho việc quyết toán ra quyết định của nhà quản trị.
- Phân tích đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

**1.3. Ý NGHĨA CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

Trong bối cảnh nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, vai trò của các doanh nghiệp ngày càng được khẳng định. Đặc biệt với sự kiện Việt Nam gia nhập WTO vào cuối năm 2006 đã tạo cho nền kinh tế Việt Nam với sự khởi đầu mới và những thách thức mới. Để chống trọi với sức ép của thị trường và xu thế cạnh tranh toàn cầu, các doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất, hạch toán kinh tế để có lợi nhuận cao nhất. Muốn vậy, doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý và đặc biệt công tác hạch toán kế toán xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và đứng vững.

Thông qua việc xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp sẽ có được thông tin về lợi nhuận - yếu tố quan trọng nhất trong việc quyết định sự sống còn của doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp có thể tái mở rộng sản xuất kinh doanh, góp vốn liên doanh liên kết, tạo công ăn việc làm cho người lao động, và là nguồn để doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Đồng thời việc xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản lý có được thông tin về quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình để từ đó phân tích, đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn, đem lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao nhất. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng không chỉ cần thiết đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

**Đối với nhà đầu tư:** thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định hợp lý.

**Đối với các trung gian tài chính** như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện kiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định có cho vay không, nếu cho vay thì vay bao nhiêu và bao lâu.



**Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:** thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp cho Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,...

#### **1.4. NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

**1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, thu nhập khác.**

##### **1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

###### **❖ Khái niệm**

- *Doanh thu bán hàng:* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào, bán BĐS đầu tư góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ:* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

###### **❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu**

✓ *Doanh thu bán hàng:* chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời **5 điều kiện** sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✓ *Doanh thu cung cấp dịch vụ:* được ghi nhận khi thỏa mãn **4 điều kiện** sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

###### **❖ Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

• Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

- Chỉ ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán khi thoả mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia đã quy định theo chuẩn mực kế toán số 14 và các quy định của chế độ kế toán hiện hành.
- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
- Đối với những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận tiền trước cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia số năm cho thuê tài sản.

### ❖ *Các phương thức bán hàng:*

**Phương thức bán hàng trực tiếp:** là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm sau khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

**Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** là phương thức bên bán chuyển hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng



chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

**Phương thức bán hàng qua đại lý:** là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên giao đại lý, cho đến khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hoá tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng bán hàng nhận được chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được này.

**Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

**Phương thức tiêu thụ nội bộ:** là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, tập đoàn,...

**Phương thức hàng đổi hàng:** là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 511** " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ "

✓ Có tài khoản cấp 2 là:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 511</b>	<b>Có</b>
<p>_ Số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.</p> <p>_ Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>_ Doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.</p> <p>_ K/c doanh thu thuần vào TK 911.</p>		<p>_ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 512** “ Doanh thu tiêu thụ nội bộ “

✓ Các tài khoản cấp 2:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 512</b>	<b>Có</b>
<p>_ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng đã chấp nhận, hàng hoá dịch vụ đã bán nội bộ k/c cuối kỳ kế toán.</p> <p>_ Số thuế TTĐB, thuế GTGT phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.</p> <p>_ K/c doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911.</p>		<p>_ Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của các đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 521** “ Chiết khấu thương mại ”

✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 521</b>		<b>Có</b>
_ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		_ Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511.	
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>	

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 531** “ Hàng bán bị trả lại “

✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 531</b>		<b>Có</b>
_ Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.		_ Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 511.	
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>	

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 532**” Giảm giá hàng bán”

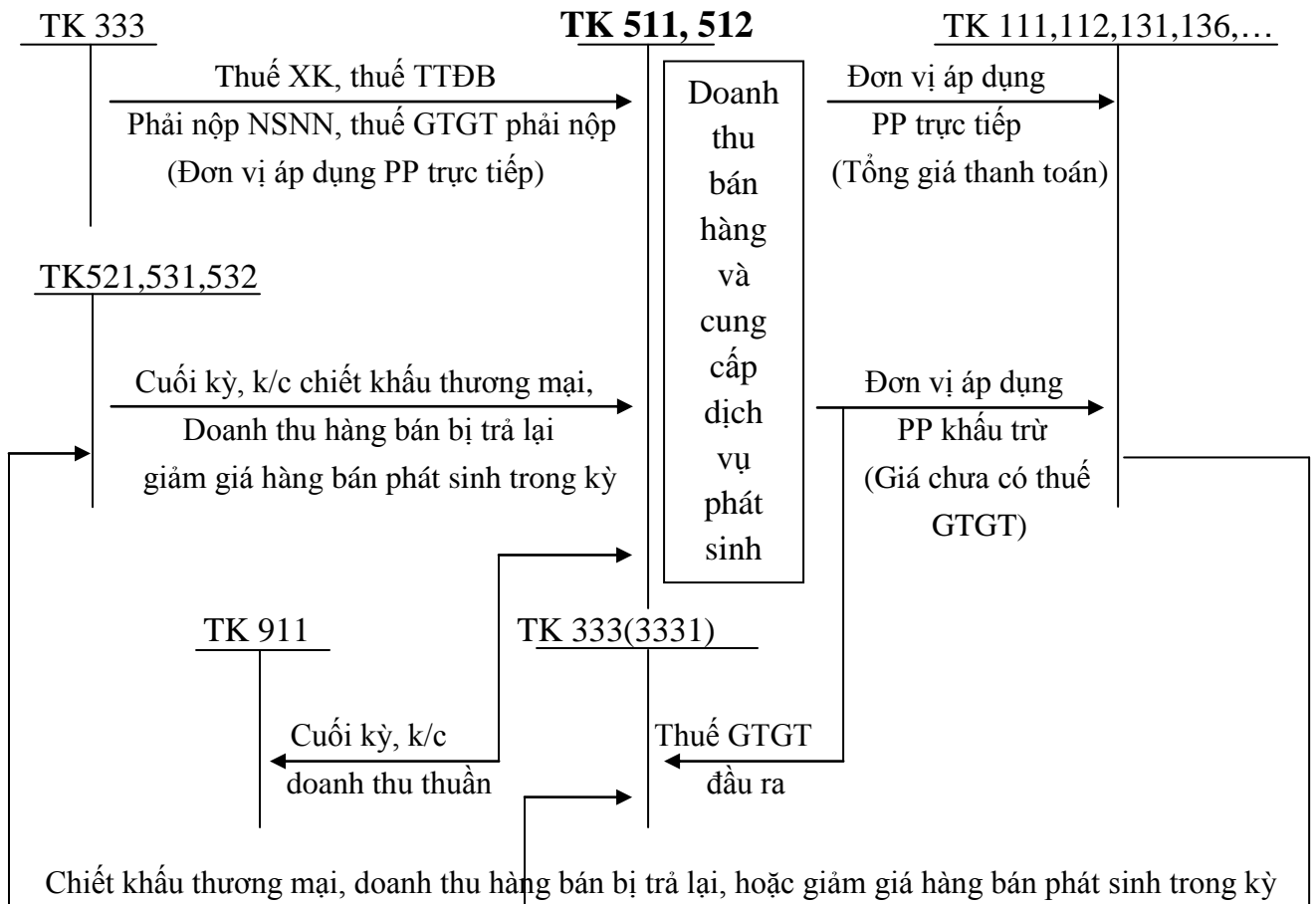
✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 532</b>		<b>Có</b>
_ Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong HĐKT.		_ Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ sang TK 511.	
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>	

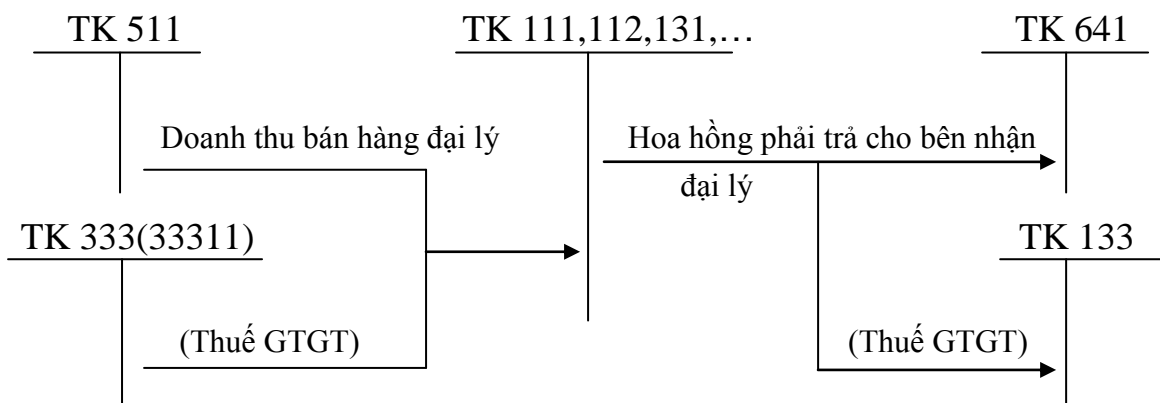
Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

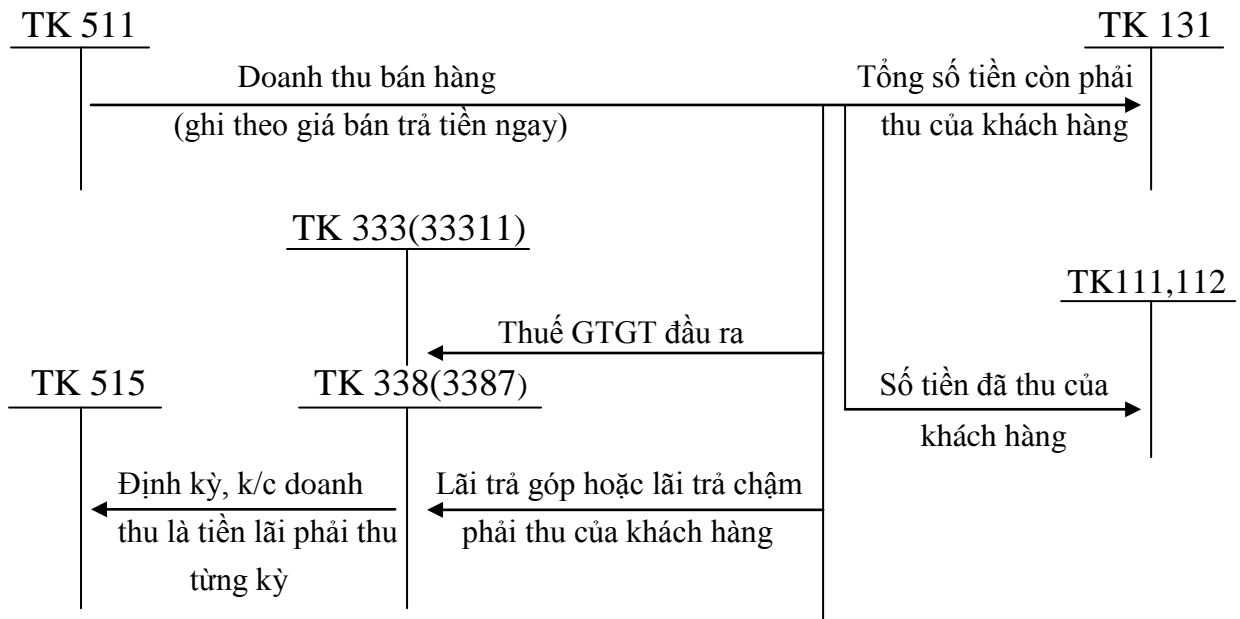
**Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
( Kế toán bán hàng trực tiếp)**



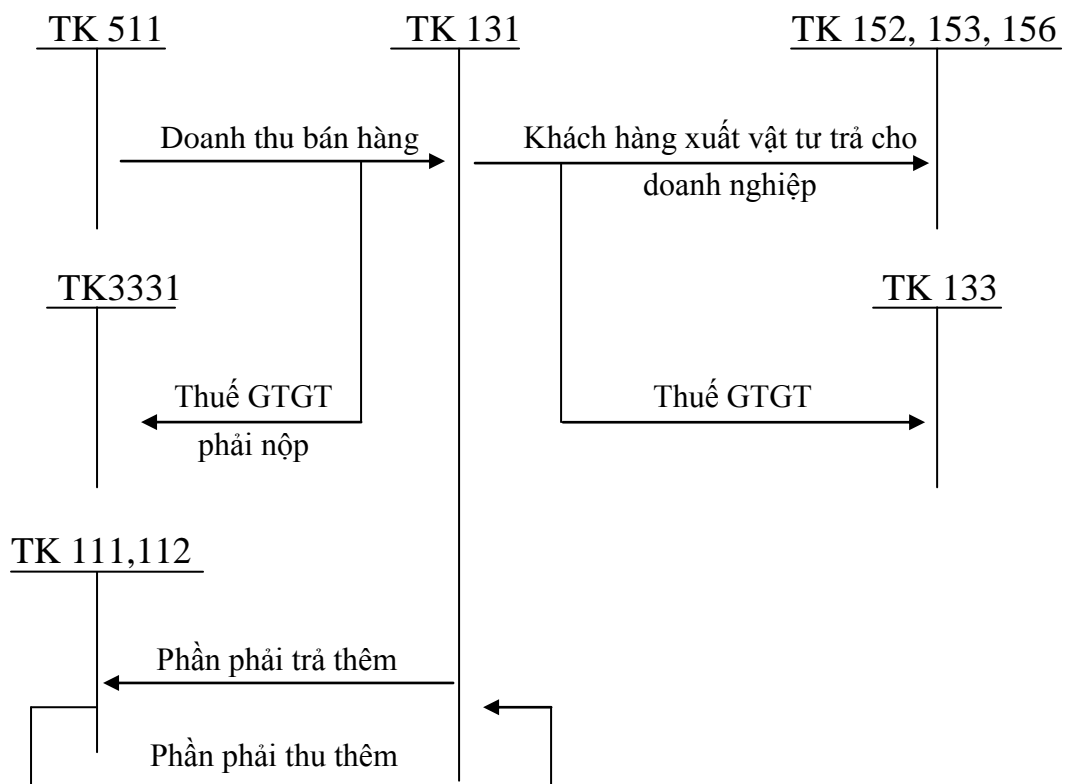
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(Đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



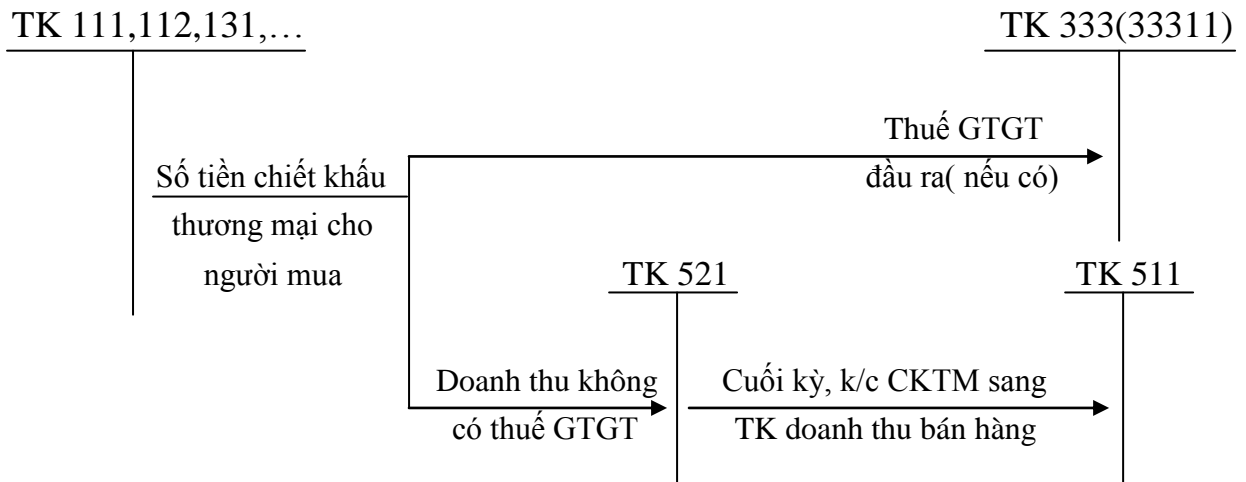
**Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm  
(hoặc trả góp)**



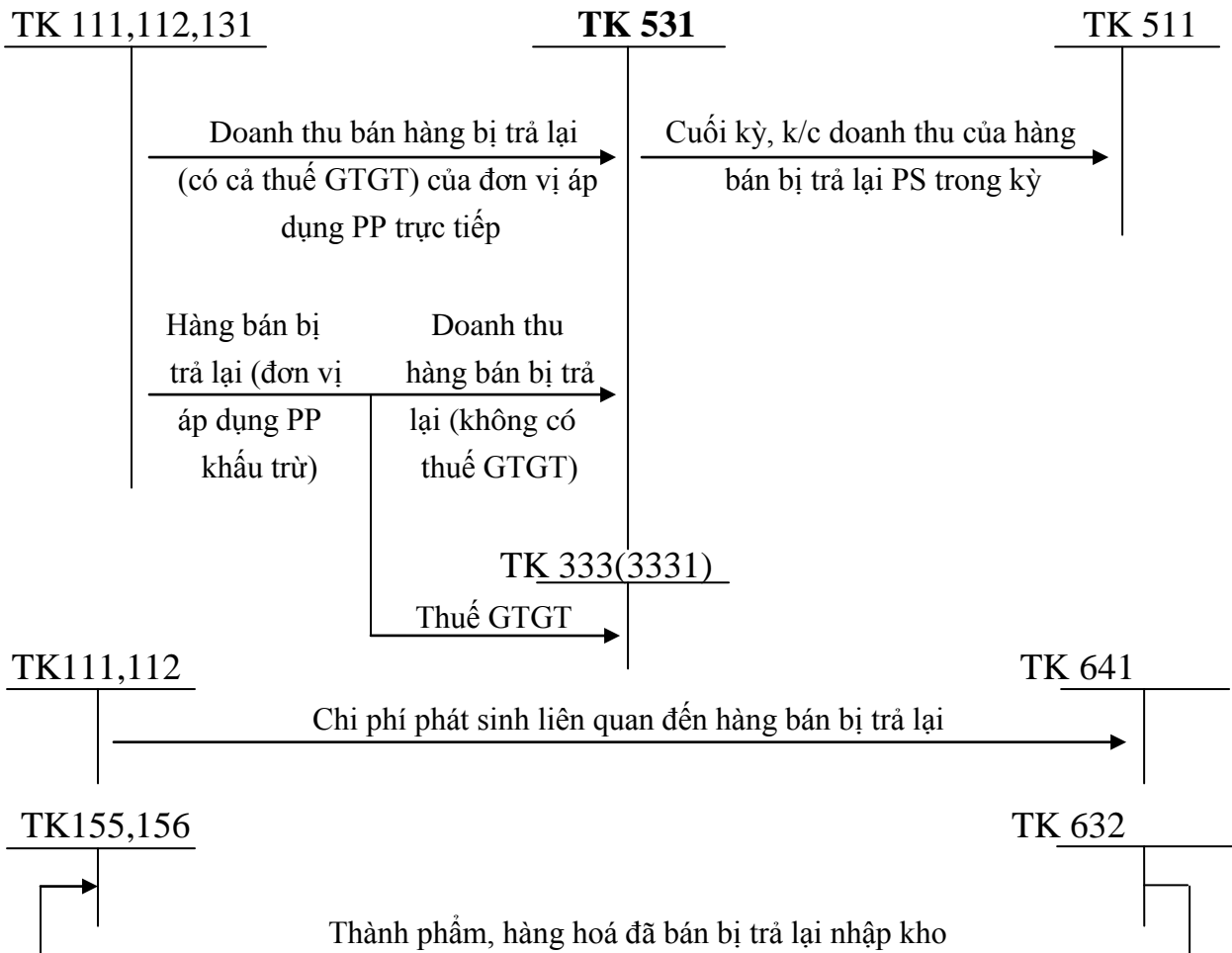
**Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**



**Sơ đồ 1.5: Kế toán chiết khấu thương mại**

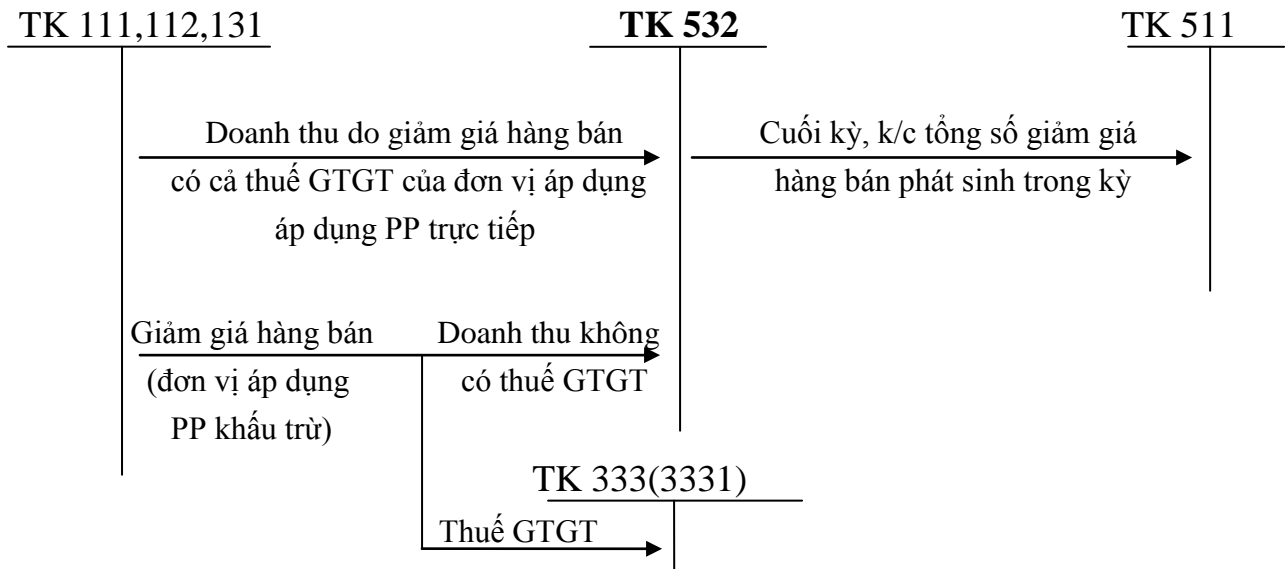


**Sơ đồ 1.6: Kế toán hàng bán bị trả lại**





**Sơ đồ 1.7: Kế toán giảm giá hàng bán**



**1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:**

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:**

- Tiền lãi: lãi cho vay; lãi tiền gửi Ngân hàng; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...).
- Cổ tức, lợi nhuận được chia...
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.
- Thu nhập chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyên nhượng, vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

**TK 515** “Doanh thu hoạt động tài chính”

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

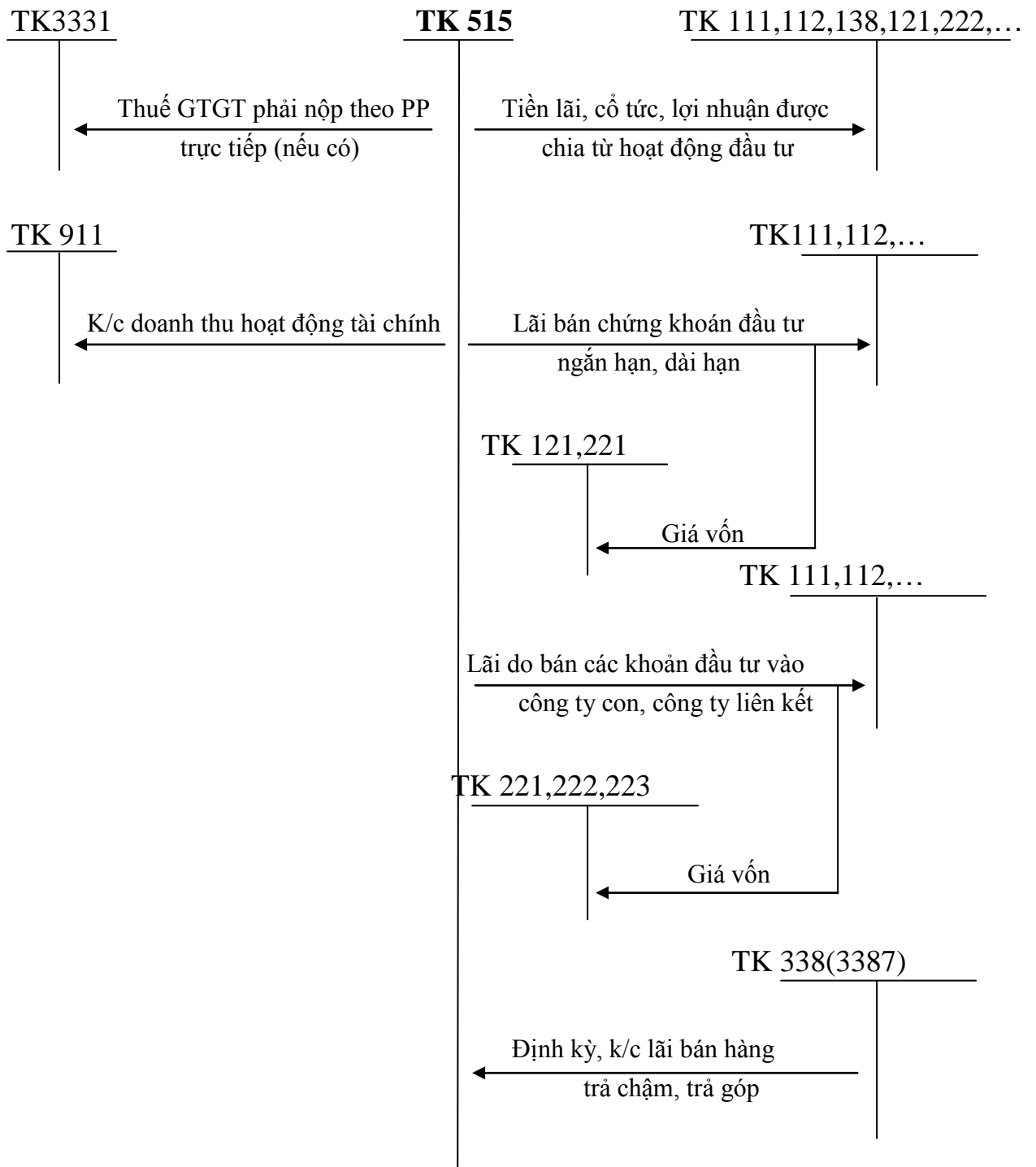
✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>_ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).</li><li>_ K/c doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>_ Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.</li><li>_ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.</li><li>_ Chiết khấu thanh toán được hưởng.</li><li>_ Lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh.</li><li>_ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.</li><li>_ Lãi tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.</li><li>_ K/c hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư.</li><li>_ Doanh thu hoạt động tài chính khác.</li></ul>
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



**1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác:**

❖ **Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:**

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, các nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

**TK 711** “ Thu nhập khác “

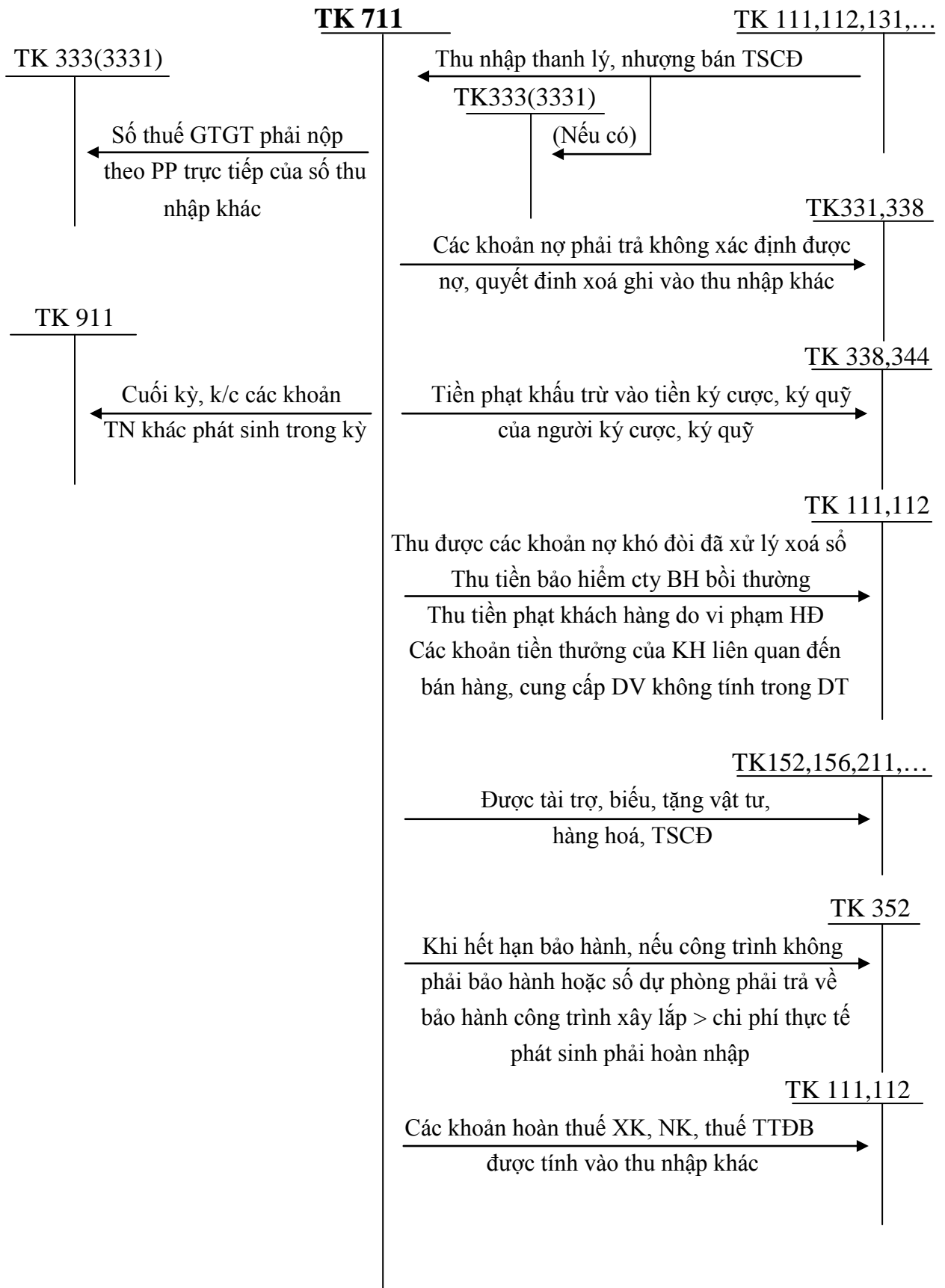
✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 711</b>	<b>Có</b>
_ Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp với khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo PP trực tiếp.  _ Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911.		_ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác**



**1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí****1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán****❖ Khái niệm:**

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

**❖ Các phương pháp tính giá vốn:**

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

**✓ Phương pháp bình quân gia quyền:**

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn ĐK} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập } i}{\text{Số lượng thực tế HTK sau lần nhập } i}$$

**✓ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

**✓ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

**✓ Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất



ra (Trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng: **TK 632** “ Giá vốn hàng bán ”

**( Theo phương pháp kê khai thường xuyên )**

✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:</li> <li>+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>+ Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.</li> <li>+ Các khoản hao hụt, mất mát của HTK sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm các nhân gây ra.</li> <li>+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt mức không được tính vào nguyên giá TSCĐHH.</li> <li>+ Số trích lập dự phòng giảm giá HTK.</li> <li>• Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:</li> <li>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ.</li> <li>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư.</li> <li>+ Chi phí phát sinh khi cho thuê BĐS đầu tư.</li> <li>+ Giá trị còn lại và chi phí PS của nghiệp vụ BĐS đầu tư bán, thanh lý.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).</li> <li>+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</li> <li>+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911.</li> <li>+ Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

**(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)**

✓ Đối với doanh nghiệp thương mại:

<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Trị giá vốn hàng hoá đã xuất bán trong kỳ.</li> <li>_ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá HTK phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước)</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đó gửi bán nhưng chưa xác định được là đã bán.</li> <li>_ Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm.</li> <li>_ K/c giá vốn hàng hoá đã bán vào TK911</li> </ul>
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra kê toán doanh thu bán hàng bán, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp thương mại còn sử dụng thêm TK 611: mua hàng.

✓ Đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ:

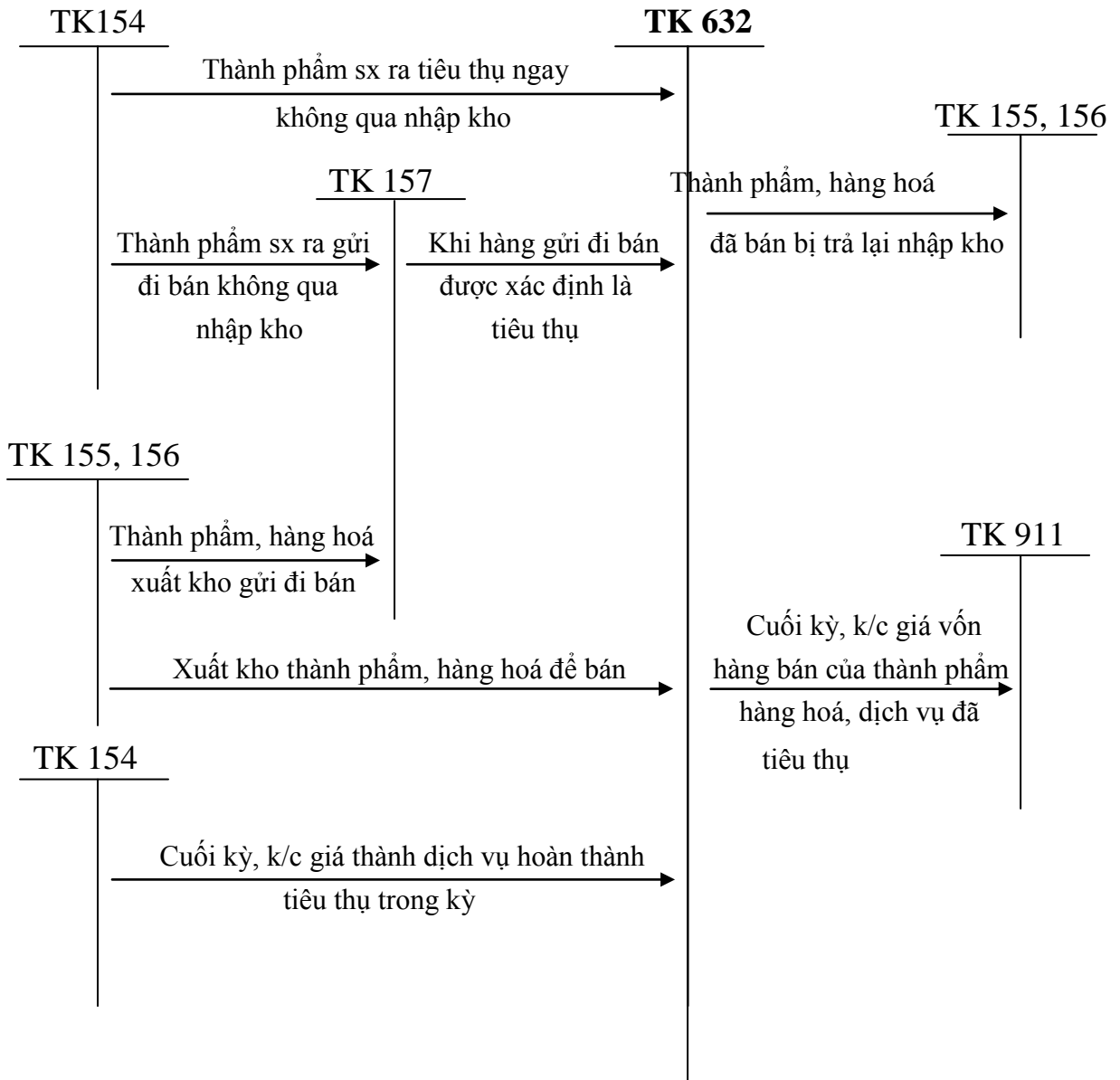
<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.</li> <li>_ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước).</li> <li>_ Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đó hoàn thành.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>_ K/c giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào TK 155.</li> <li>_ Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm.</li> <li>_ K/c giá vốn thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán vào TK 911.</li> </ul>
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

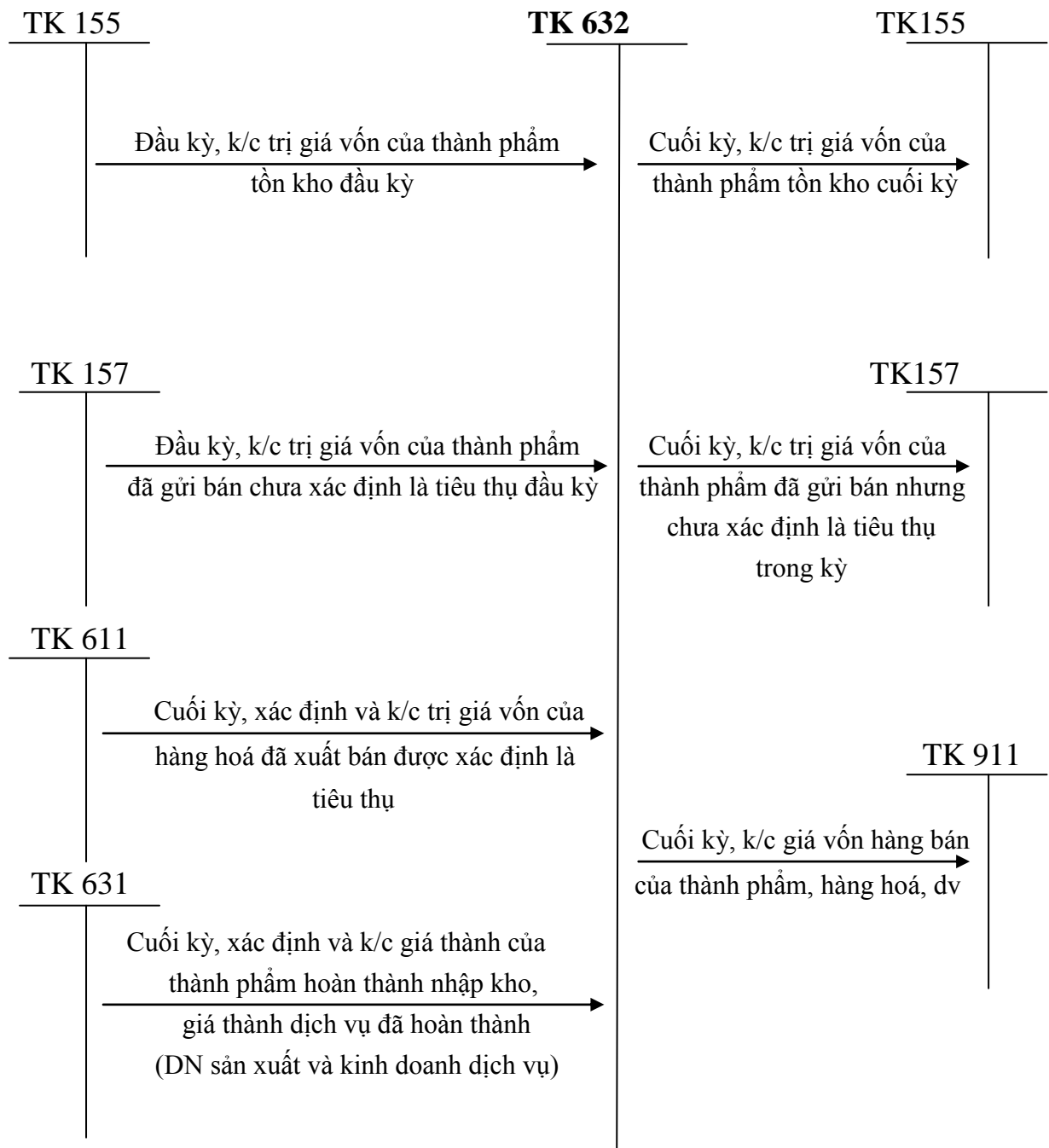
Ngoài ra kê toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh còn sử dụng thêm TK 631: giá thành sản xuất.

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.10: Kế toán giá vốn hàng bán  
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



**Sơ đồ 1.11: Kế toán giá vốn hàng bán  
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)**



**1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ.
- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng phân bổ lương và BHXH, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ,...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 641** - “Chi phí bán hàng”

✓ Các tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 641</b>	<b>Có</b>
_ Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.		_ Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911.
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 642** “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

✓ Các tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

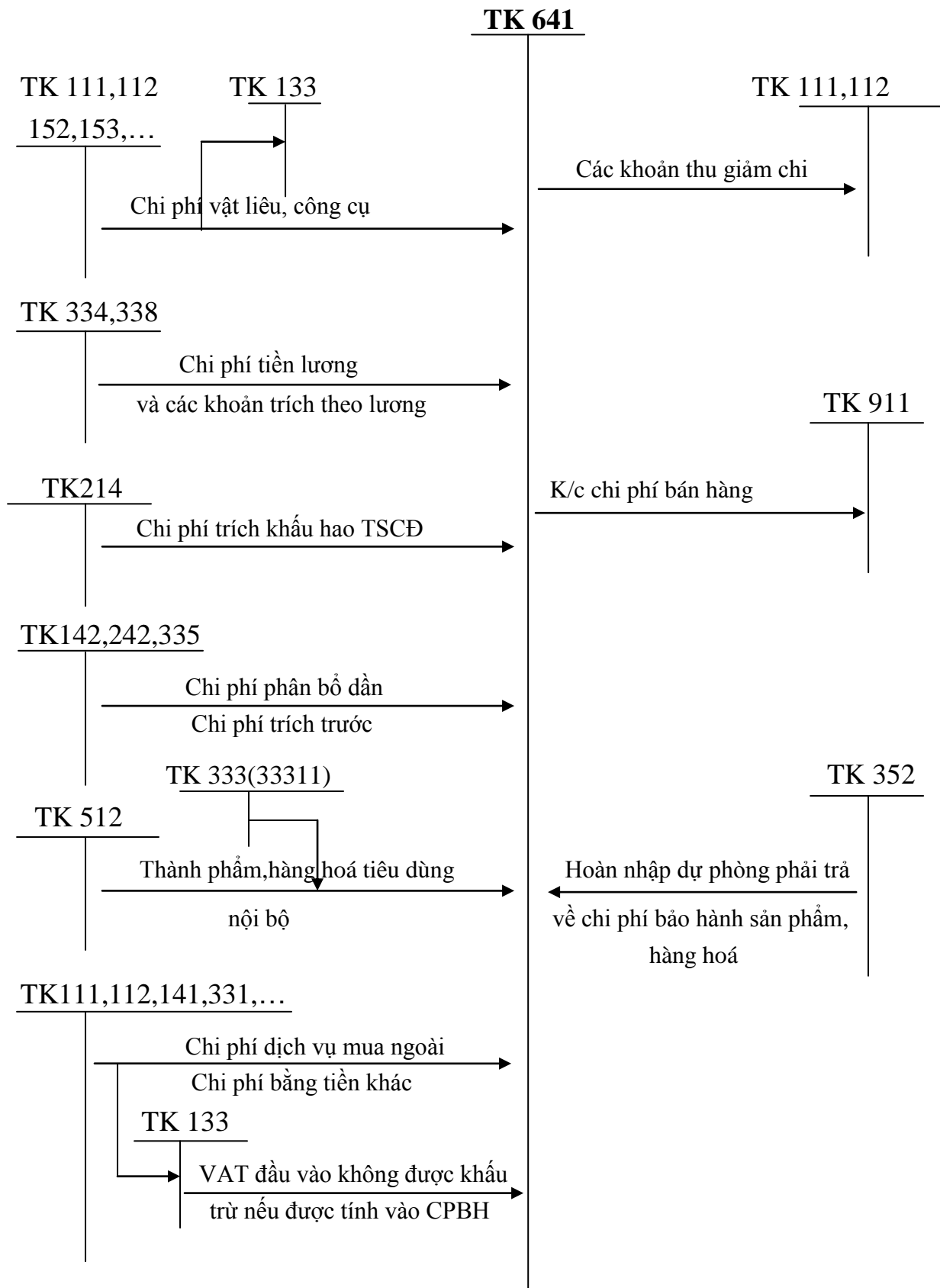
✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 642</b>	<b>Có</b>
_ Các chi phí QLDN thực tế PS trong kỳ.		_ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
_ Dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		_ K/c chi phí QLDN vào TK 911.
_ Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

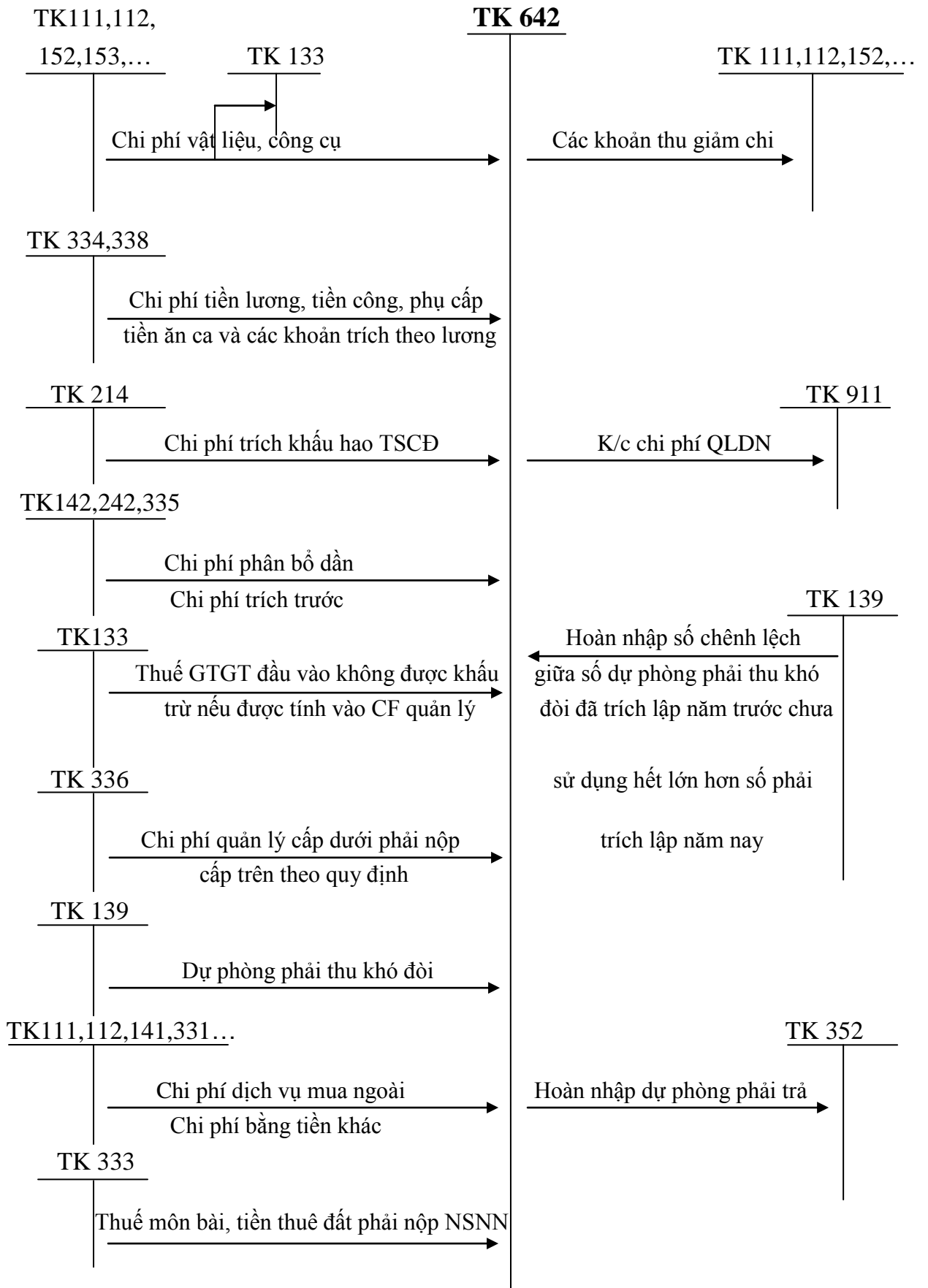
❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí bán hàng**





**Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



**1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính**

❖ **Chi phí tài chính gồm:**

Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

**TK 635** “Chi phí tài chính”

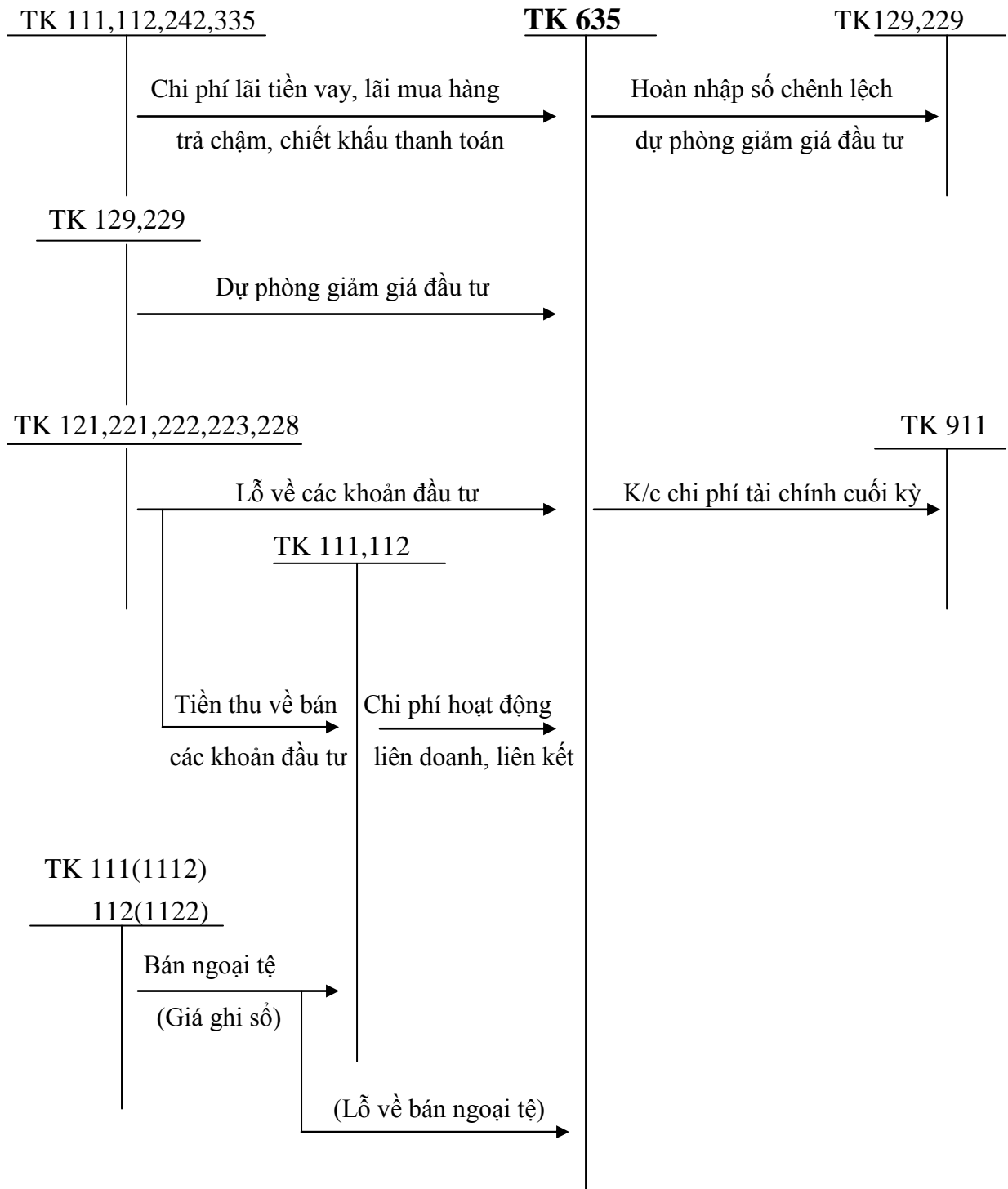
✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 635</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.</li> <li>_ Lỗ bán ngoại tệ.</li> <li>_ Chiết khấu thanh toán cho người mua.</li> <li>_ Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.</li> <li>_ Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh.</li> <li>_ Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.</li> <li>_ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>_ K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.</li> <li>_ Chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).</li> <li>_ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toán bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí tài chính**



#### **1.4.2.4. Kế toán chi phí khác**

❖ **Chi phí khác gồm:**

Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế; các khoản chi phí khác.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

**TK 811** “ Chi phí khác”

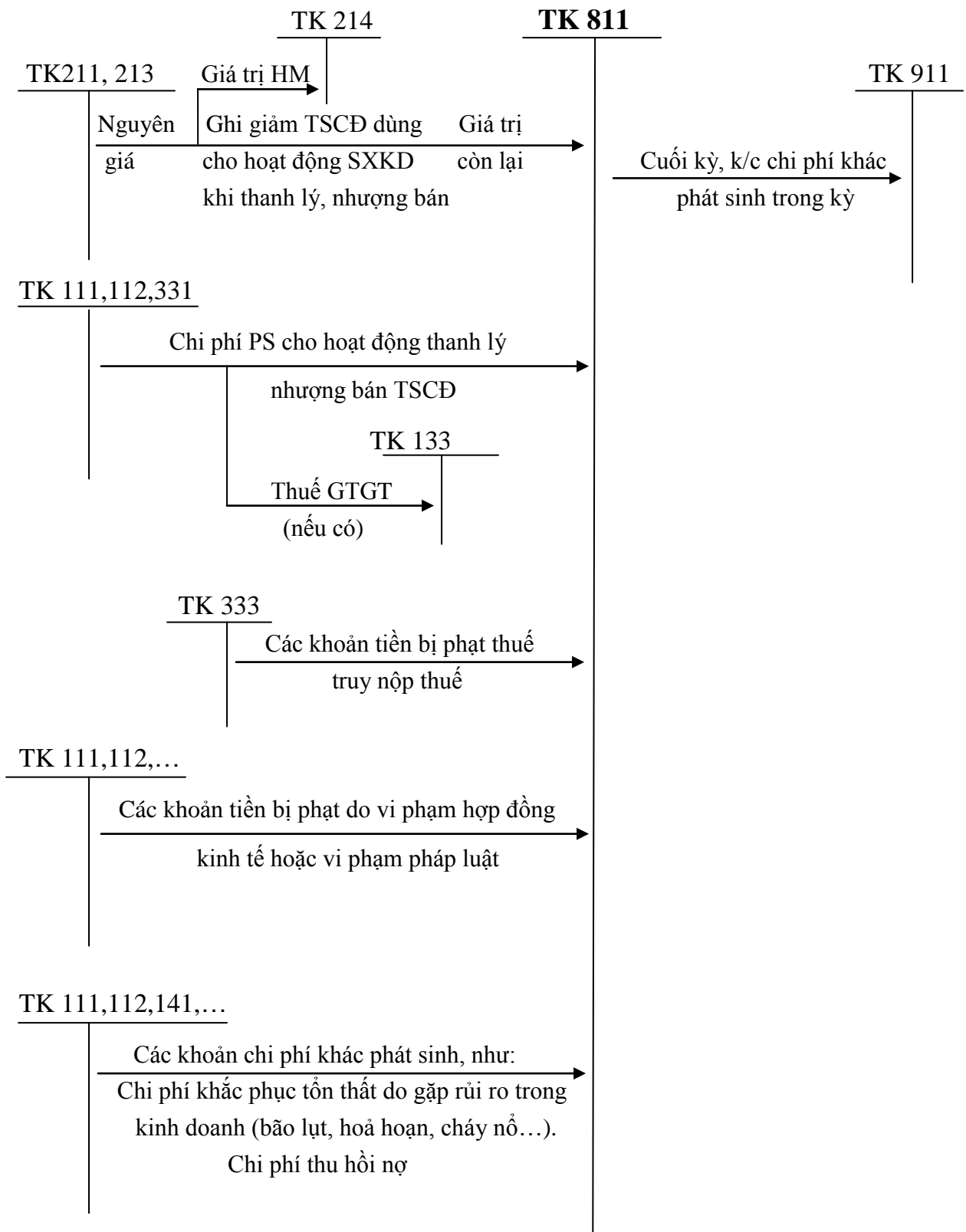
✓ Kết cấu tài khoản :

<b>Nợ</b>	<b>TK 811</b>	<b>Có</b>
_ Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.		_ Kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác vào TK 911.
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác**



**1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN**

❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kê toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"

✓ Các tài khoản cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

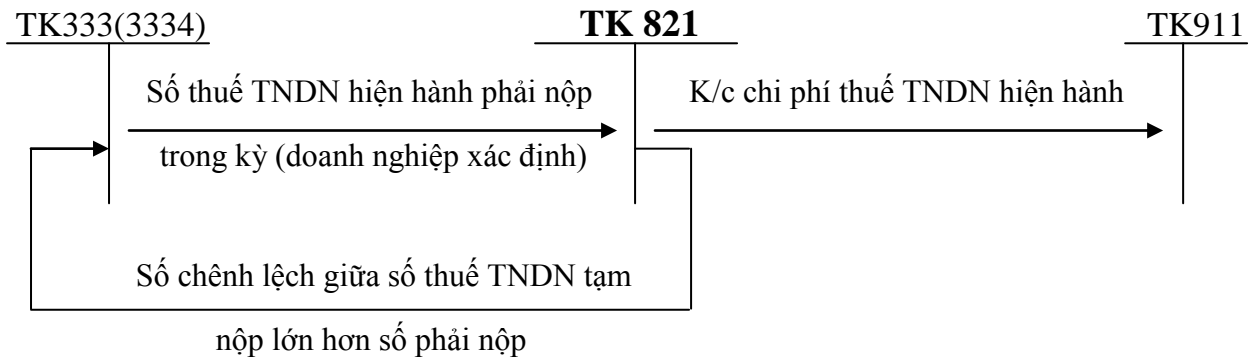
✓ Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 821</b>	<b>Có</b>
<p>_ Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.</p> <p>_ Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu.</p> <p>_ Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.</p> <p>_ Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.</p> <p>_ Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 lớn hơn Nợ TK 8212 vào bên Có TK 911.</p>	<p>_ Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm &lt; số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm.</p> <p>_ Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.</p> <p>_ Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.</p> <p>_ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911.</p>	
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

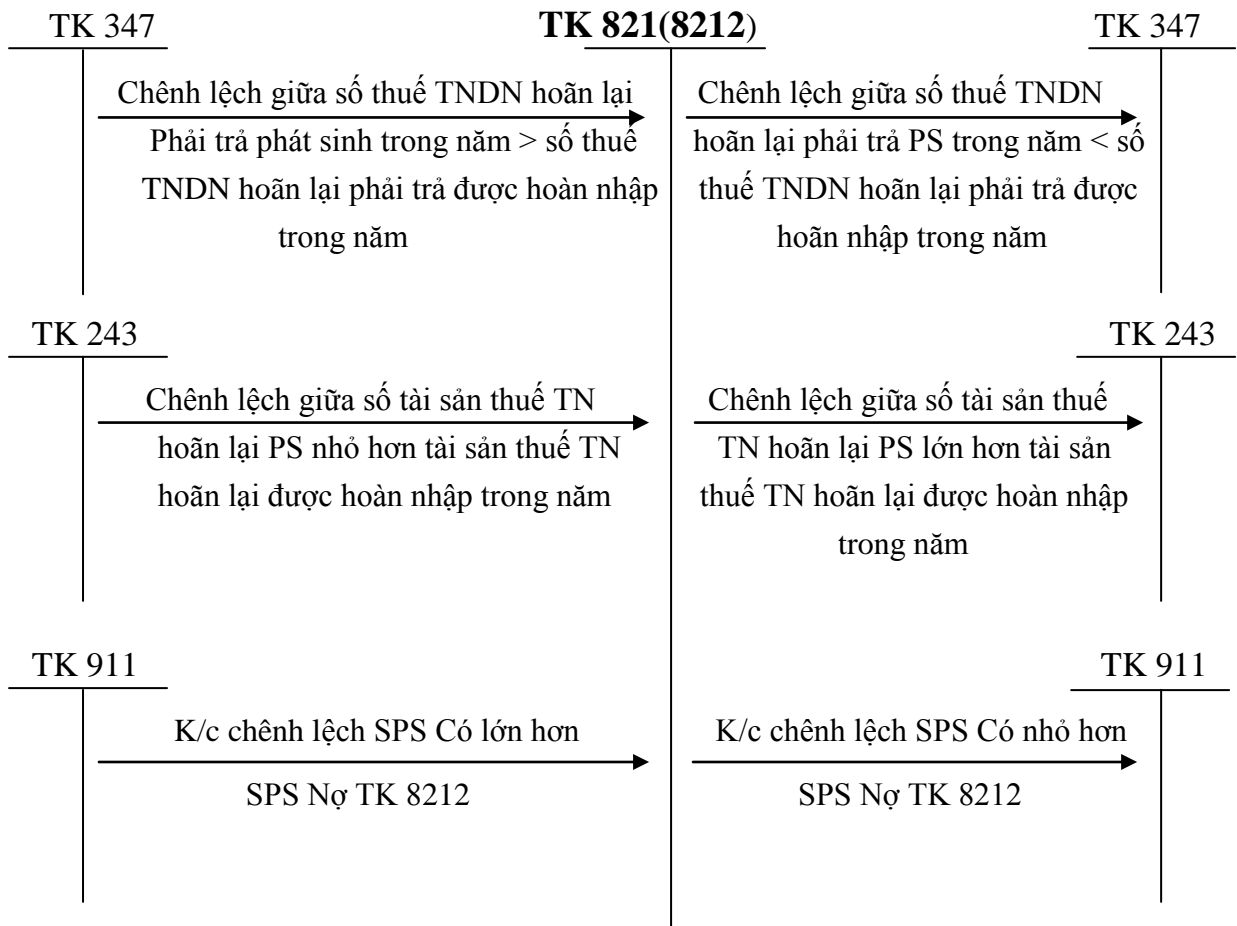
Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**



**Sơ đồ 1.17: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại**



**1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

❖ *Chứng từ sử dụng:* Phiếu kê toán

❖ *Tài khoản sử dụng:*

**TK 911** “ Xác định kết quả kinh doanh ”

✓ Kết cấu tài khoản

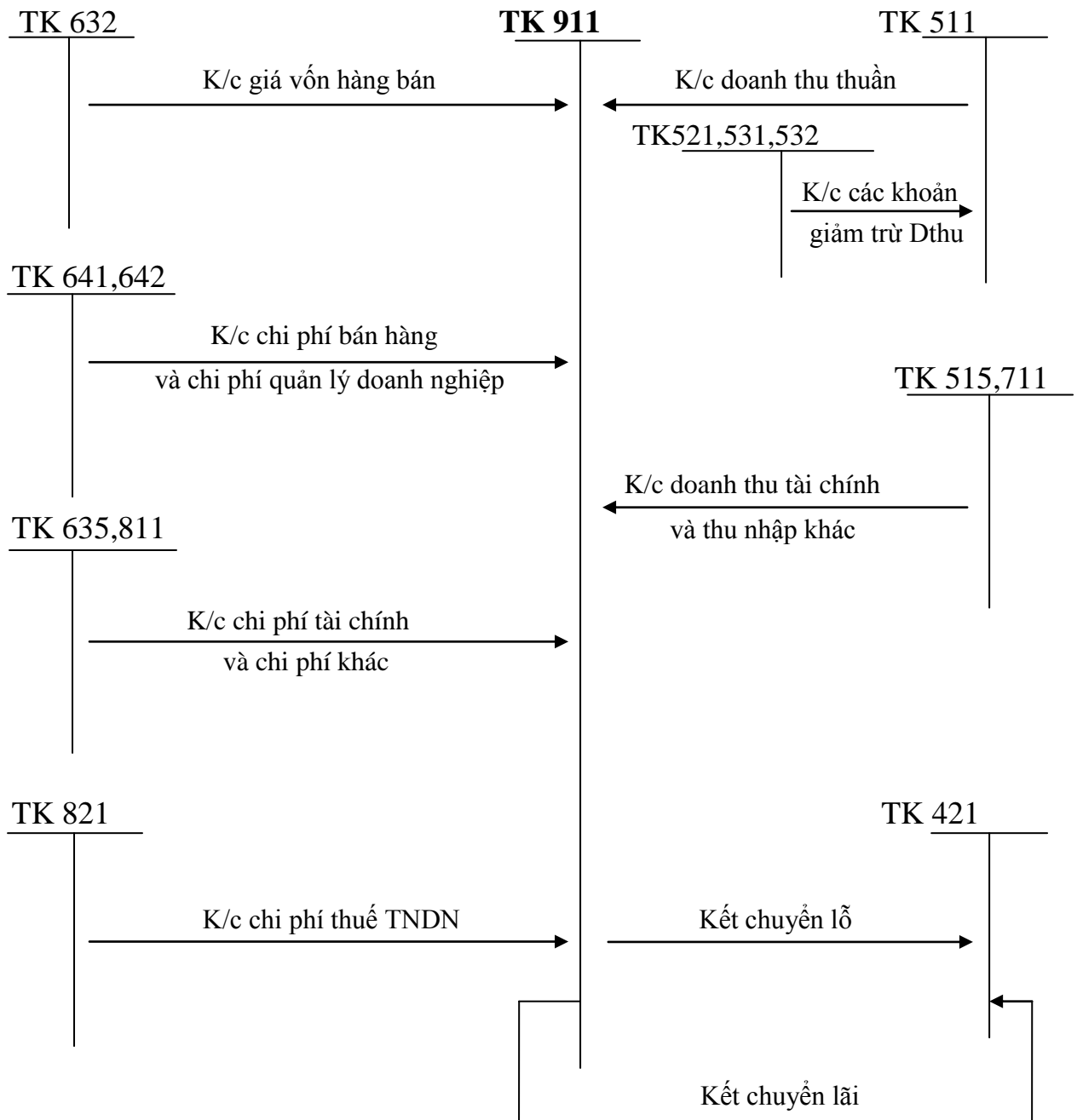
<b>Nợ</b>	<b>TK 911</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.</li> <li>_ Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.</li> <li>_ Chi phí bán hàng và chi phí QLDN.</li> <li>_ Kết chuyển lãi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>_ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.</li> <li>_ Kết chuyển lỗ.</li> </ul>	
<b>Tổng SPS Nợ</b>		<b>Tổng SPS Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.



❖ *Sơ đồ hạch toán:*

**Sơ đồ 1.18: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



**1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

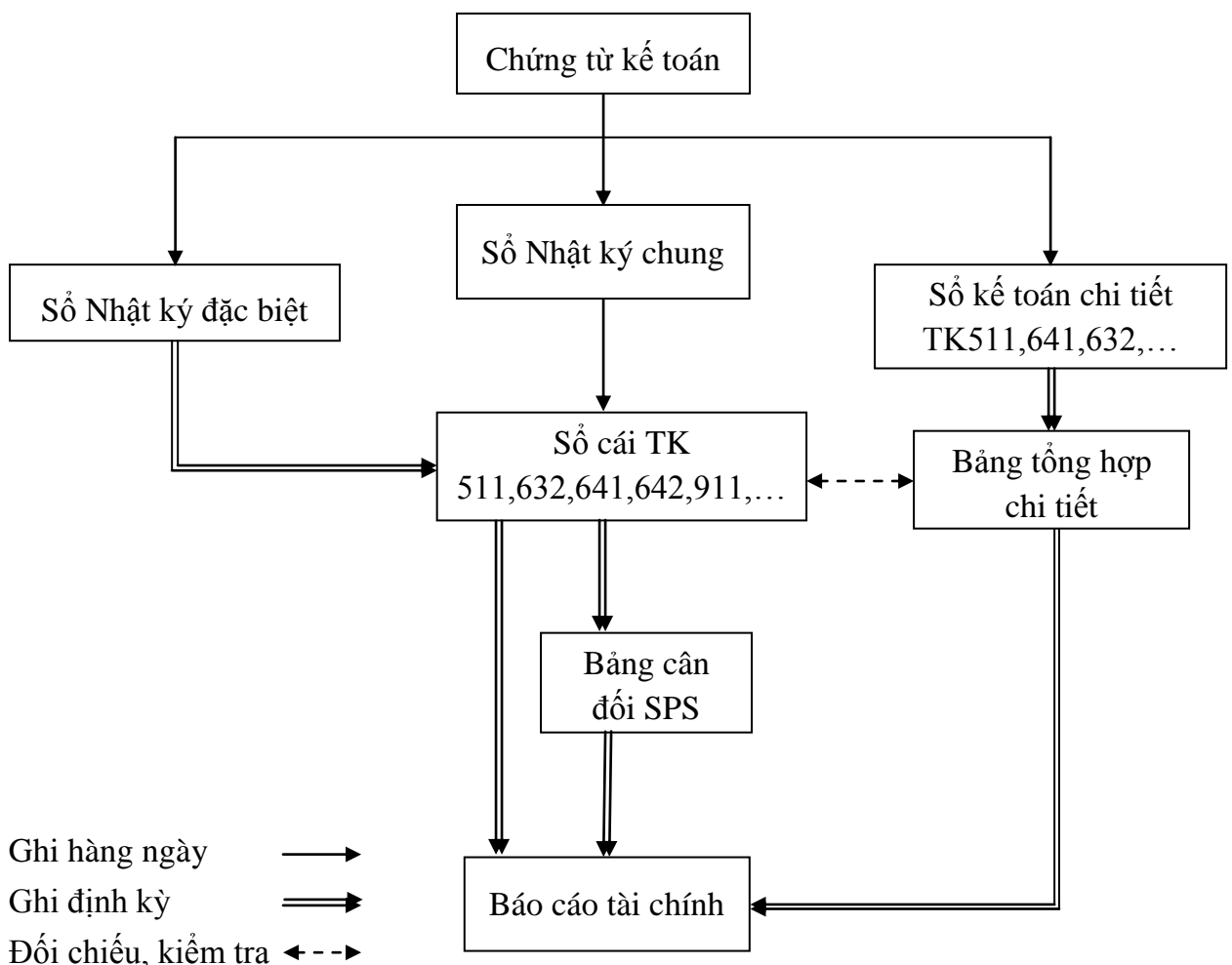
**1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:**

❖ Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế ( định khoản kế toán ) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ Cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt.
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



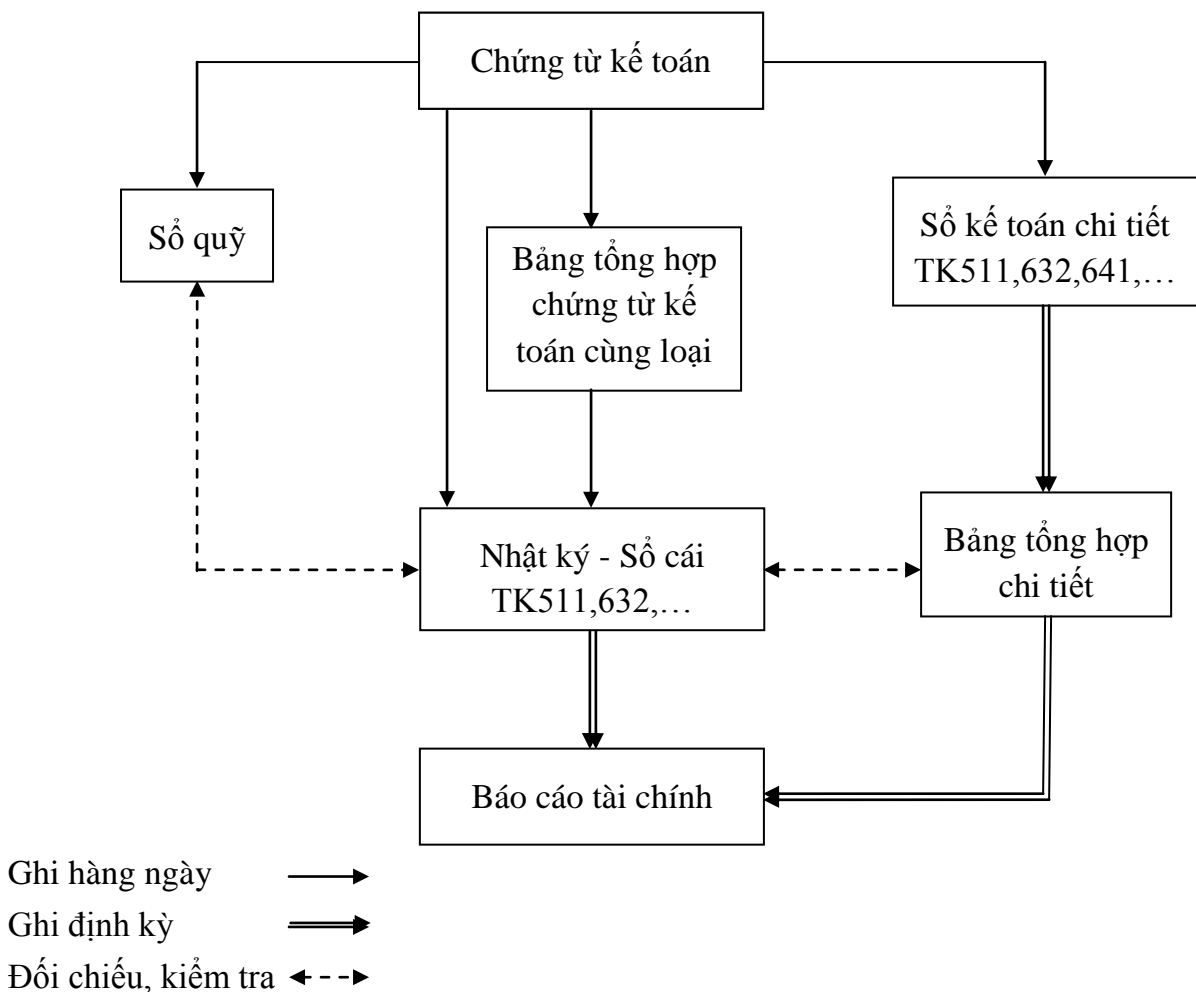
**1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:**

❖ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

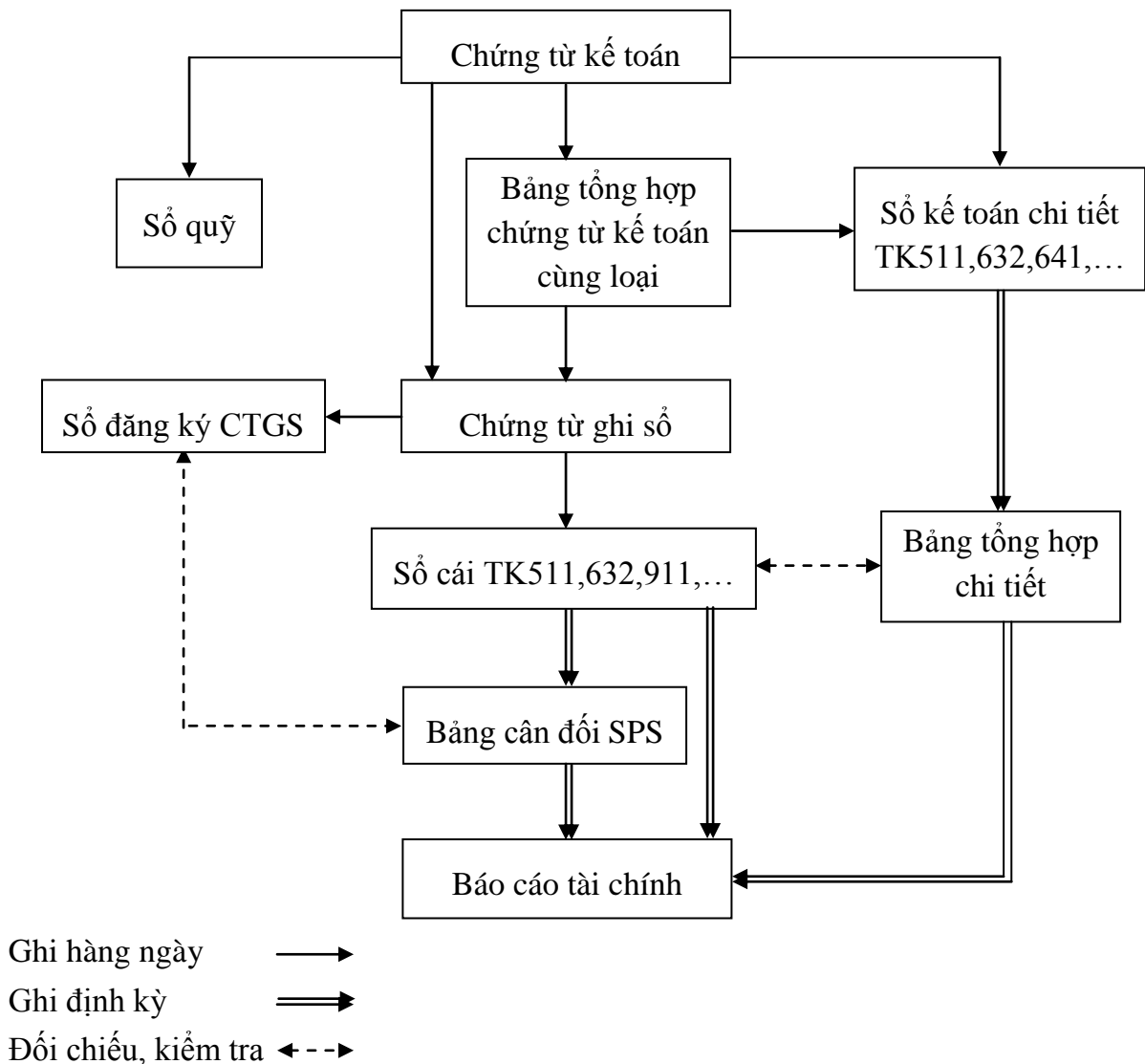
**Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**



**1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:**

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ chứng từ ghi sổ ”.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
  - Chứng từ ghi sổ
  - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
  - Sổ cái
  - Các sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



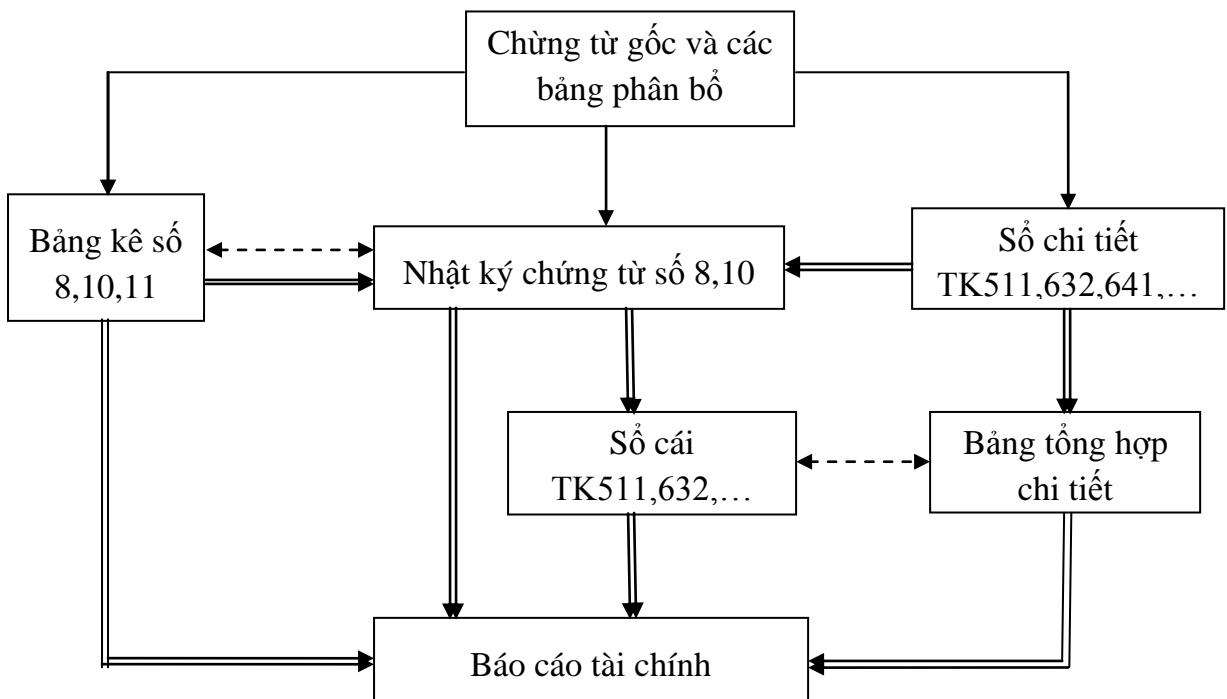
**1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**

❖ Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.22: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**

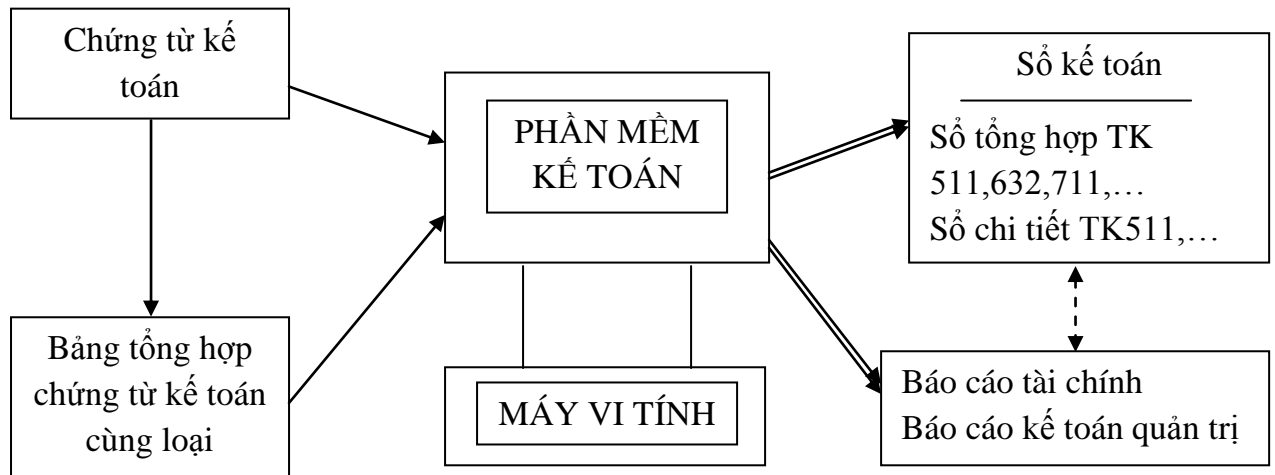


Ghi hàng ngày      →  
 Ghi định kỳ        ==>  
 Đối chiếu, kiểm tra <-->

**1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.

**Sơ đồ 1.23: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



Nhập số liệu hàng ngày ⇨⇨  
 In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm →  
 Đối chiếu, kiểm tra ⇄

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI**

**2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI.**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI**
- Tên giao dịch: **Cat Hai Joint - Stock Aquatic Processing And Service Company.**
- Địa chỉ: **Thị trấn Cát Hải - Huyện Cát Hải - Thành phố Hải Phòng.**
- Số ĐKKD: **0203000088 cấp ngày 24/7/2001**
- Vốn điều lệ: **7.300.000.000 VNĐ**
- Số ĐT : **0313. 886258**
- Fax: **0313. 886396**
- Website: **www.thuysancathai.com.vn**

❖ Xí nghiệp nước mắm Cát Hải nay là công ty dịch vụ và chế biến thủy sản Cát Hải được thành lập 23-10-1959. Ra đời trong cuộc cải tạo XHCN, đối với các thành phần kinh tế tư nhân, ngót nửa thế kỷ công ty đã vượt qua bao khó khăn, thử thách để không ngừng vươn lên và trưởng thành. Những thế hệ cán bộ, đảng viên, công nhân viên nối tiếp nhau không chỉ kế thừa truyền thống sản xuất loại sản phẩm tiêu dùng đặc biệt mà còn không ngừng nâng cao chất lượng và mở rộng thị trường. Mắm Cát Hải với hương vị rất riêng, được chắt lọc từ nguồn nguyên liệu biển và kết tinh trí tuệ, sức lực của những người công nhân. Công việc tưởng đơn giản nhưng đầy lam lũ, lo toan, thậm chí đổ cả máu để chắt chiu nên giọt mắm.

Từ một đơn vị công ty hợp danh, trải qua những năm tháng xây dựng XHCN, những năm tháng chiến tranh ác liệt, những thử thách ngặt nghèo của lịch sử, đã lớn mạnh thành một công ty vững vàng trong cơ chế thị trường. Các mặt sản xuất, kinh doanh ngày càng phát triển và đời sống của người lao động được cải thiện rất nhiều. Từ giữa năm 1959 tới hết năm 1960 công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh diễn ra rất sôi nổi. Huyện uỷ, uỷ ban hành chính huyện Cát Hải tổ chức học tập, giáo dục chính trị và đường lối cải tạo XHCN của Đảng đối với các nhà tư bản, tiểu chủ sản xuất nước mắm, vận động họ góp vốn, công sức vào sản xuất tập thể. Xí nghiệp công tư hợp danh nước mắm Cát Hải ra đời từ đó.

Ngày 23-10-1959 Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng ra quyết định số 357/QĐ-UB thành lập xí nghiệp công tư hợp danh nước mắm Cát Hải.

Cuối năm 1995, UBND thành phố đã chấp nhận đề nghị của Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp thành phố, Giám đốc sở thủy sản Hải Phòng ra quyết định số 1835/QĐ- Đổi mới doanh nghiệp ngày 7-11-1995 đổi tên xí nghiệp thành công ty chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải. Ngày 11-7-2001 UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định số 1477/QĐ-UB thành lập công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

❖ Thuận lợi, khó khăn và thành tích của công ty:

**Khó khăn:** Nguyên liệu để sản xuất ngày càng khan hiếm, giá cả đầu vào tăng, quá trình cạnh tranh trên thị trường ngày càng phức tạp hơn, nạn hàng giả, hàng nhái mẩu mã, nhãn mác, sản phẩm của công ty làm ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất kinh doanh của công ty.

**Thuận lợi:** Sau gần 10 năm cổ phần hoá doanh nghiệp (2001-2010) công ty liên tục phát triển tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, các lợi thế về uy tín sản phẩm, thương hiệu của doanh nghiệp được giữ vững. Công ty là đơn vị thi đua xuất sắc liên tục của thành phố nhiều năm, được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện uỷ Cát Hải, Sở thủy sản Hải Phòng, tập thể cán bộ CNLĐ, Cty có truyền thống đoàn kết năng động sáng tạo, phát huy nội lực, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

**Thành tích:** Trải qua gần 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành công ty đã được Đảng, nhà nước tặng thưởng:

- 2 huân chương lao động hạng Nhất năm 1986, 1991.
- 1 huân chương lao động hạng Nhì năm 1982.
- 1 huân chương lao động hạng Ba năm 1962.
- 2 huân chương chiến công hạng Ba năm 1966, 1996.
- 10 năm được tặng cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ (1998-2007).
- 19/05/2000 được nhà nước phong tặng danh hiệu đơn vị “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.
- 1/10/2004 được Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương độc lập hạng ba”.
- 2005 đạt giải chất lượng Việt Nam.



- 4 năm là một trong 10 doanh nghiệp tiêu biểu nhất của thành phố Hải Phòng (2005-2008).

Được Thủ tướng chính phủ, viện thi đua khen thưởng nhà nước, Bộ thuỷ sản, Bộ công an, Bộ chỉ huy quân sự thành phố, Bộ lao động và thương binh XH, UBND thành phố, Liên đoàn lao động thành phố tặng nhiều cờ thi đua xuất sắc, bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, an ninh quốc phòng và thực hiện tốt các chính sách XH.

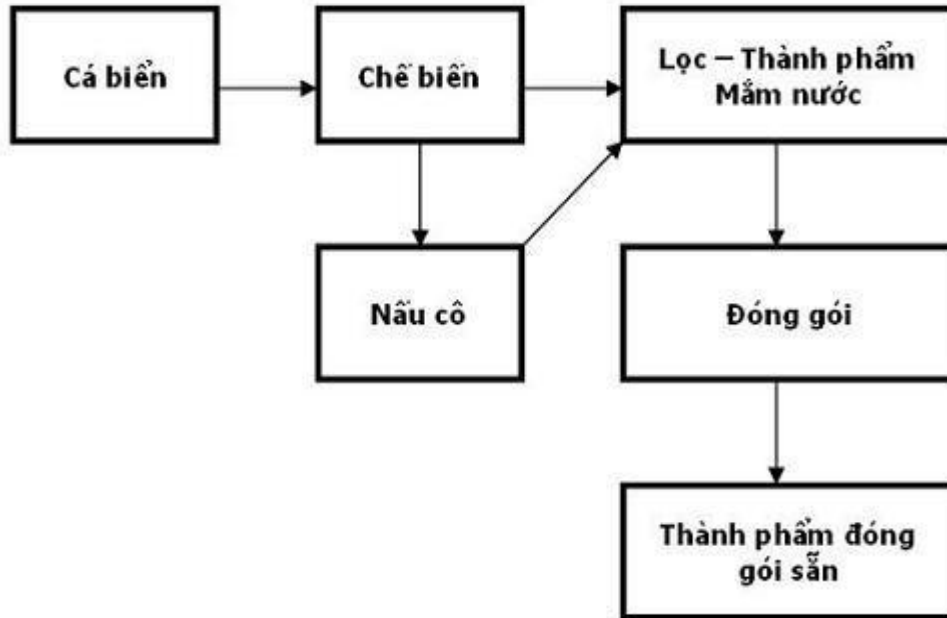
### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Sản xuất, kinh doanh mặt hàng nước mắm các loại. Hiện nay công ty đang hoạt động và chuyên sản xuất tương đối đa dạng các chủng loại hàng hóa sau:

<b>T T</b>	<b>Loại sản phẩm</b>	<b>Số công bố</b>	<b>Số tiêu chuẩn</b>	<b>Số chứng nhận sản phẩm</b>
1	Nước mắm Đặc Biệt	01/CH	TCVN5107-2003	301/2006/YTHP-CNTC
2	Nước mắm Thượng Hạng	02/CH	TCVN5107-2003	301/2006/YTHP-CNTC
3	Nước mắm Hạng 1	03/CH	TCVN5107-2003	299/2006/YTHP-CNTC
4	Nước mắm Hạng 2	04/CH	TCVN5107-2003	305/2006/YTHP-CNTC
5	Nước mắm Vị Hương	01	01/2006(TCCS)	296/2006/YTHP-CNTC
6	Nước mắm Cao Đạm	02	02/2006(TCCS)	303/2006/YTHP-CNTC
7	Nước mắm Cốt Cá Nhâm	03	03/2006(TCCS)	302/2006/YTHP-CNTC
8	Nước mắm Cá Quần	02	05/2006(TCCS)	306/2006/YTHP-CNTC
9	Nước mắm Cá Mực	06	06/2006(TCCS)	310/2006/YTHP-CNTC
10	Nước mắm Hạng 1B	07	07/2006(TCCS)	304/2006/YTHP-CNTC
11	Cốt mắm Tm	08	08/2006(TCCS)	307/2006/YTHP-CNTC
12	Nước mắm loại 22đạm	09	08/2006(TCCS)	308/2006/YTHP-CNTC
13	Nước mắm loại 18đạm	10	10/2006(TCCS)	309/2006/YTHP-CNTC
14	Mắm tôm Cát Hải	11	01/2006(TCCS)	295/2006/YTHP-CNTC
15	Nước mắm hạng 1B - Bổ sung sắt	04	04/2006/CH	6130/2006/YT-CNTC
16	Nước mắm thượng hạng - Bổ sung sắt	12	14/2006/CH	624/2007/YT-CNTC

17	Bột canh thường	01	01/2004/BC	530/2004/BCTC-YTHP
18	Bột canh Iốt	02	02/2005/CH	602/2005/BCTC-YTHP

**QUY TRÌNH SẢN XUẤT NƯỚC MẮM CÁT HẢI**



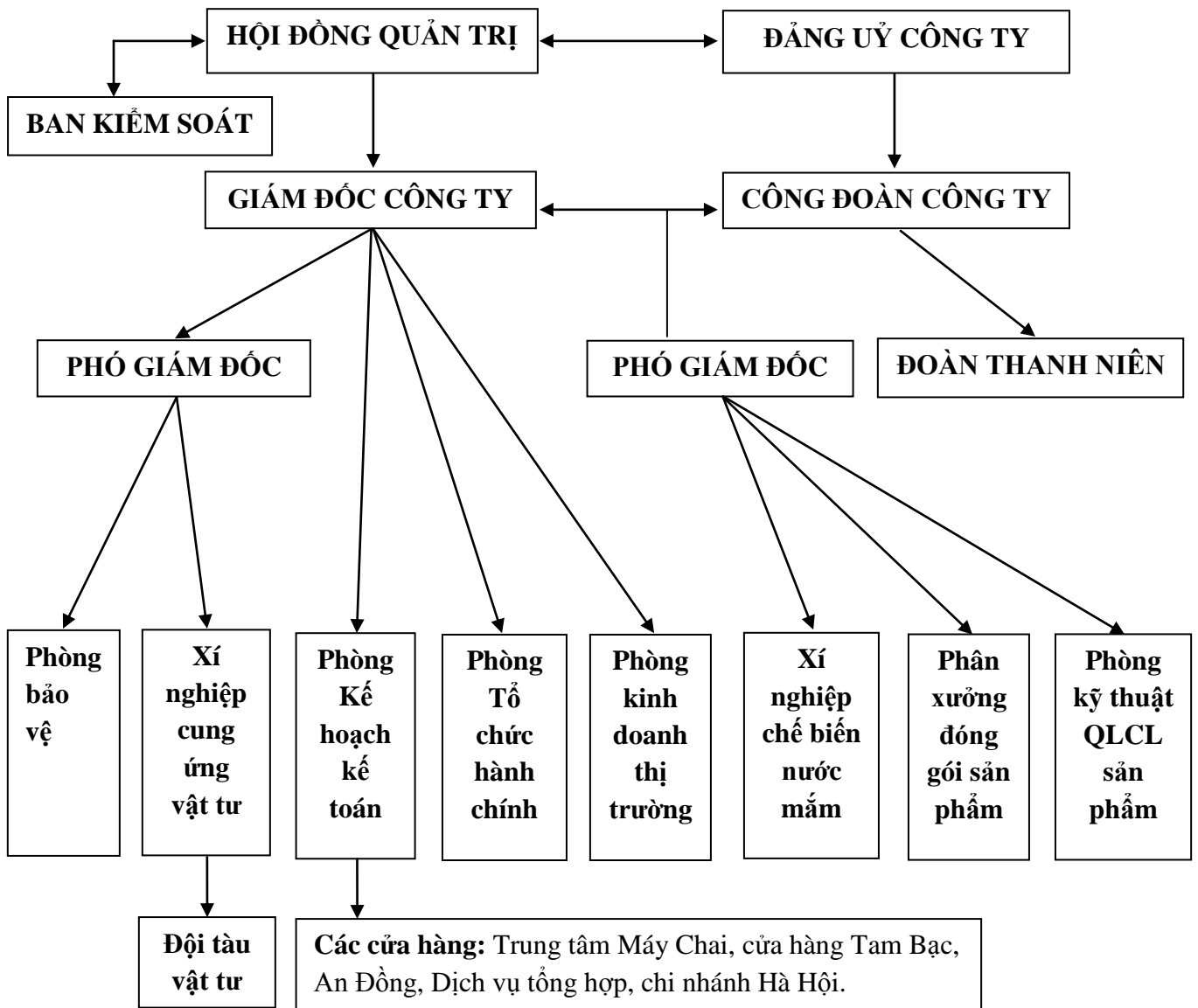
\_ Nguyên vật liệu (cá, muối) đưa vào chế biến chượp, đủ thời gian phân huỷ từ chượp đưa vào lọc, nấu cô tạo ra sản phẩm (nước mắm). Nước mắm được đóng chai, dán mác và đưa vào tiêu thụ. Đây là một quá trình khép kín liên hoàn không thể chia nhỏ về mặt không gian và thời gian.

\_ Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải sản xuất sản phẩm theo quy trình công nghệ cổ truyền phơi khô đánh quậy.

### **2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải**

Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải là một đơn vị hạch toán độc lập, có đủ tư cách pháp nhân. Hoạt động quản lý và điều hành của Công ty theo mô hình trực tuyến chức năng. Có thể mô phỏng mô hình bộ máy tổ chức quản lý của Công ty như sau:

**Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty**



**Chỉ dẫn:**

- > Chi huy tuyến trong SXKD
- >< Môi quan hệ lãnh đạo và quản lý
- > Môi quan hệ chức năng quản lý

- Đảng uỷ hoạt động theo cương lĩnh điều lệ của Đảng.
- Hội đồng quản trị hoạt động theo luật DN và điều lệ công ty.
- Ban giám đốc hoạt động điều hành theo nghị quyết Đại hội cổ đông.

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

**Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty. Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp lý trước pháp luật của công ty. Tổ chức lãnh đạo chung như định hướng và kiểm soát toàn Công ty.

**Ban Giám đốc công ty:** gồm 1 Giám đốc và 2 Phó giám đốc

+ Giám đốc: là người điều hành mọi hoạt động của công ty.

+ Phó giám đốc 1: phụ trách thu mua.

+ Phó giám đốc 2: phụ trách tiêu thụ.

Chức năng, nhiệm vụ của Phó giám đốc là tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty, HĐQT, trực tiếp chỉ đạo tới các bộ phận sản xuất của công ty.

**Phòng kế hoạch kế toán:** Chịu trách nhiệm về mặt tài chính kế toán và lập kế hoạch cho các sản phẩm của công ty. Tổ chức quản lý các nguồn vốn, xác định số tài sản vật tư, tiền vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạch toán kế toán đúng chế độ, đúng pháp luật, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và hiệu quả. Qua đó phân tích đánh giá xác định kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó cùng các phòng ban chức năng khác lên kế hoạch tăng trưởng và phát triển đưa công ty đi lên. Quyết toán các khoản tiền lương, BHXH đúng hạn cho CBCNV toàn công ty. Lưu giữ hồ sơ, các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty, tính toán và trích lập đủ đúng hạn các khoản phải nộp NSNN, các quỹ để lại cấp trên.

**Phòng tổ chức hành chính:** Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý cán bộ, tuyển dụng, đào tạo nhân viên trong toàn công ty. Chịu trách nhiệm phân tích, đánh giá, thiết lập các mục tiêu chất lượng từng thời kỳ của phòng tổ chức hành chính phù hợp với mục tiêu chung và định hướng phát triển của công ty. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo theo yêu cầu của công ty. Quản lý trụ sở làm việc, đất đai, tài sản, các thiết bị văn phòng, quản lý và điều động đội xe của công ty.

**Phòng kinh doanh thị trường:** có chức năng khảo sát thị trường để lên kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, định hướng bán hàng cho từng đại lý của công ty.

**Phòng kỹ thuật QLCL sản phẩm:** chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát các công đoạn của quy trình công nghệ. Quản lý các loại thiết bị trong sản xuất, lập kế hoạch bảo trì sửa chữa toàn bộ, lập hồ sơ theo dõi thiết bị và tình trạng của thiết bị để đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định. Thiết kế sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến công tác sáng kiến sáng tạo hợp lý hoá sản xuất. Xây dựng và tổ chức ban hành quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm. Trực tiếp quản lý các thiết bị giám sát kiểm tra và đo lường.

**Xi nghiệp chế biến nước mắm:** nơi sản xuất ra các loại mắm (*mắm cao đạm, mắm chắt, mắm cốt, . . .*)

**Phân xưởng đóng gói sản phẩm:** có nhiệm vụ đóng gói sản phẩm.

**Đội tàu vật tư:** chịu trách nhiệm thu mua và vận chuyển nguyên vật liệu, chuyên chở nước mắm đến với các cửa hàng, trung tâm tiêu thụ sản phẩm.

**Xi nghiệp cung ứng vật tư:** chịu trách nhiệm mua vật tư (nguyên liệu sản xuất, vật tư đóng gói sản phẩm, ...)

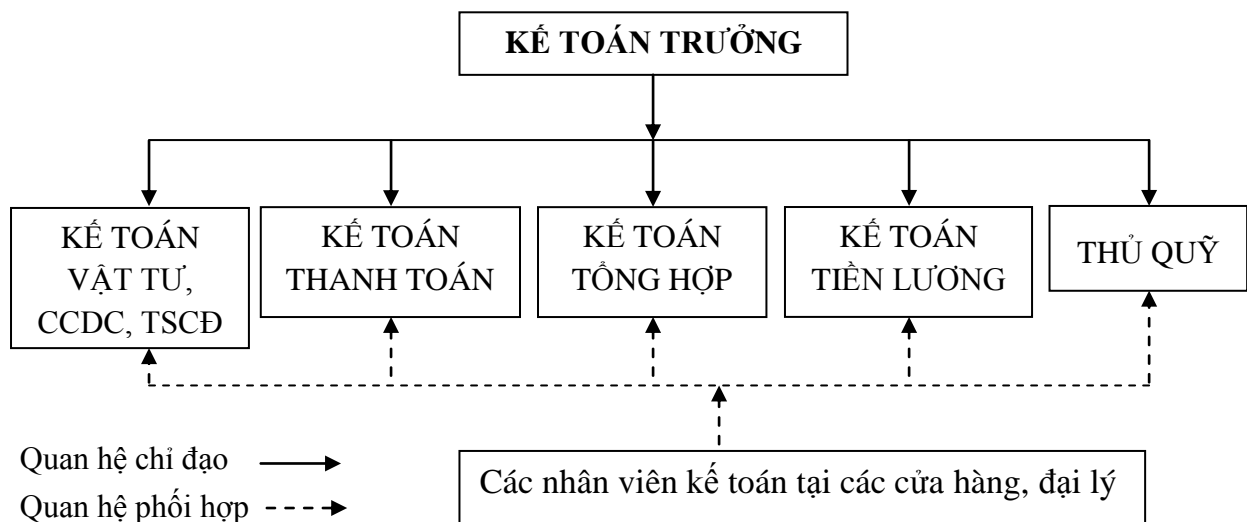
**Các cửa hàng:** là nơi phân phối sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu sản phẩm mới của công ty với người tiêu dùng.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.**

##### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty:**

Công ty có một phòng đảm nhận lập kế hoạch và hạch toán kế toán gọi là Phòng Kế Hoạch - Kế Toán. Trong phòng, kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên có trách nhiệm hạch toán chi tiết và báo cáo cho kế toán trưởng. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

**Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải**



Nhiệm vụ của từng nhân viên kế toán trong phòng kế hoạch - kế toán như sau:

**Kế toán trưởng :** Chịu trách nhiệm chung về công tác kế toán trước Giám đốc, hội đồng quản trị và pháp luật nhà nước về tài chính kế toán. Kiểm tra các chứng từ và các báo cáo kế toán của nhân viên trong phòng phát sinh hàng ngày. Chịu trách nhiệm phân tích tình hình hoạt động SXKD của công ty để báo cáo kịp thời cho lãnh đạo công ty theo định kỳ hoặc đột xuất. Theo dõi kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm.

**Kế toán vật tư, công cụ dụng cụ, tài sản cố định:** chịu trách nhiệm theo dõi tình hình xuất nhập vật tư. Theo dõi tình hình tăng, giảm, trích khấu hao tài sản cố định. Đồng thời chịu trách nhiệm theo dõi doanh thu, chi phí, các khoản thuế, tính, lập và nộp tờ khai thuế.

**Kế toán thanh toán:** chịu trách nhiệm theo dõi tình hình thu - chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, giao dịch với ngân hàng về các khoản vay - nợ, các khoản tiền gửi, chuyển tiền.

**Kế toán tiền lương:** chịu trách nhiệm tính, thanh toán tiền lương và các khoản khác cho người lao động.

**Thủ quỹ:** chịu trách nhiệm quản lý tình hình xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu chi, phiếu thu. Hàng ngày phải kiểm kê số tiền thực tế tồn quỹ, đối chiếu sổ sách liên quan.

**Kế toán tổng hợp:** chịu trách nhiệm tập hợp chi phí để tính giá thành và có phụ trách tập hợp tất cả số liệu của các phần hành khác nhau để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay HĐQT, GD.

**Kế toán tại các cửa hàng:** chịu trách nhiệm lập chứng từ và tập hợp chứng từ cuối tháng chuyên về phòng kế hoạch - kế toán của Công ty.

#### **2.4.1.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Hình thức ghi sổ: Chứng từ ghi sổ.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song.
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12 của năm.
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng.
- Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.**

***2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác.***

**2.2.1.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu:**

***Chứng từ sử dụng:***

- Hoá đơn GTGT, phiếu thu.
- Bảng kê bán hàng, Bảng tổng hợp doanh thu.
- Các chứng từ khác có liên quan.

***Tài khoản sử dụng :***

\_ TK 511” Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

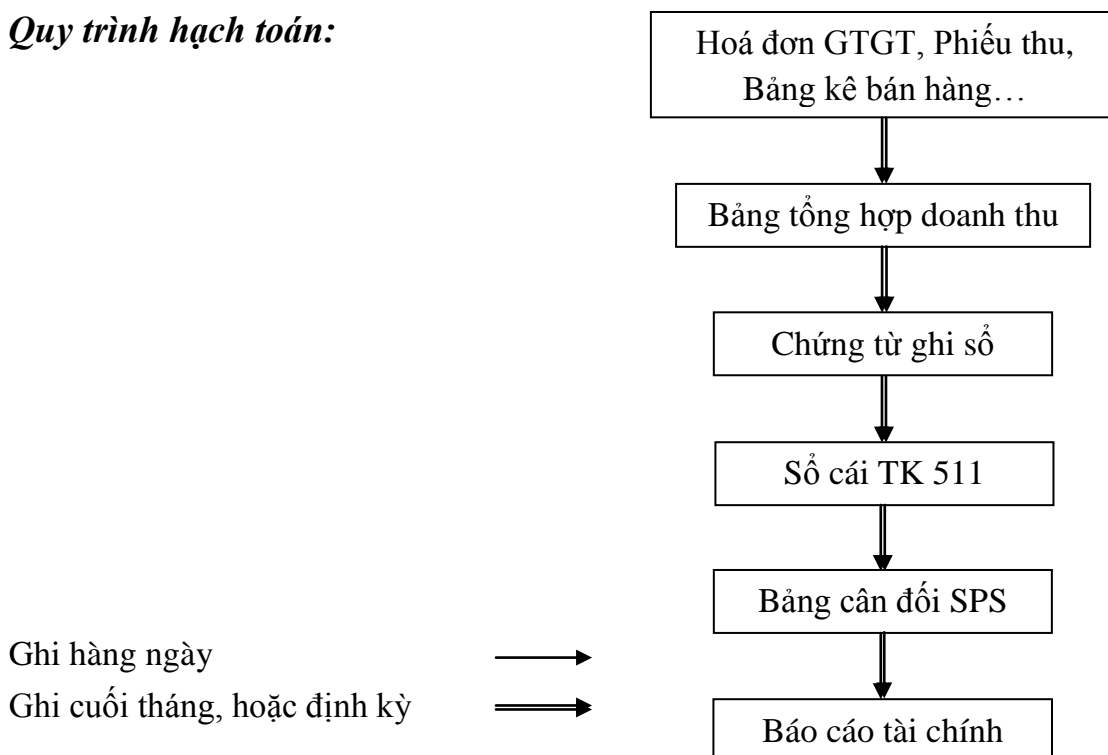
Tài khoản cấp 2: TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm.

\_ Các khoản giảm trừ doanh thu: sản phẩm của Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải được sản xuất theo phương pháp cổ truyền khép kín và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình của hệ thống quản lý chất lượng HACCP nên trong quá trình bán hàng chưa xảy ra trường hợp khách hàng yêu cầu giảm giá hay trả lại hàng đã mua do sản phẩm sai quy cách hoặc kém phẩm chất. Vì vậy Công ty không dùng đến các tài khoản giảm trừ doanh thu. Công ty không sử dụng chiết khấu thương mại.

***Phương thức bán hàng của Công ty là:*** Phương thức bán hàng trực tiếp.

***Hình thức thanh toán:*** Tiền mặt, chuyển khoản, chưa thanh toán.

***Quy trình hạch toán:***





### Ví dụ 1: Bán hàng tại công ty

Ngày 15 tháng 12 năm 2010, Công ty bán mắ̃m cho Bà Sứu với trị giá 979,000đ (VAT 10%), thu bằng tiền mặt.

☛ Kế toán lập hóa đơn GTGT số 0024811. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0024811 vào Bảng tổng hợp doanh thu tháng 12. Căn cứ vào bảng tổng hợp doanh thu tháng 12, kế toán vào Chứng từ ghi sổ số 01/12 và từ chứng từ ghi sổ số 01/12 vào Sổ cái TK 511.

### Ví dụ 2: Bán hàng tại các cửa hàng

Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Trung tâm Máy Chai bán mắ̃m cao đạ̃m 0,65T4 cho Ông Mạnh với trị giá 4,158,000đ (VAT 10%), thu bằng tiền mặt.

☛ Khi bán hàng cho Ông Mạnh kế toán tại trung tâm lập hóa đơn GTGT số 0098954. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0098954 vào Bảng kê bán hàng tháng 12. Cuối tháng Trung tâm Máy Chai chuyển Bảng kê bán hàng tháng 12 về Công ty, kế toán căn cứ vào bảng kê bán hàng tháng 12 sẽ hạch toán vào Bảng tổng hợp doanh thu tháng 12. Từ bảng tổng hợp doanh thu tháng 12 vào Chứng từ ghi sổ số 05/12 và từ chứng từ ghi sổ số 05/12 vào Sổ cái TK 511.



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ Ngày 15 tháng 12 năm 2010			Mẫu số: 01GTKT-3LL <b>RN/2010B</b> <b>0024811</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THUỶ SẢN CÁT HẢI</b> Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MST: <b>0200432014</b>					
Họ tên người mua hàng: <b>Nguyễn Thị Sứ</b> Tên đơn vị: Địa chỉ: Cát Hải - Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: -----					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Mắm hạng 1	Lít	100	5,400	540,000
2	Ổng sao 0,75	Chai	05	70,000	350,000
Cộng tiền hàng:					890,000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			89,000
Tổng cộng tiền thanh toán:					979,000
Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn./.					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ Ngày 01 tháng 12 năm 2010			Mẫu số: 01GTKT-3LL <b>QH/2010B</b> <b>0098954</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI</b> Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: <span style="float: right;">MST: <b>0200432014</b></span>					
Họ tên người mua hàng: <b>Ông Mạnh</b> Tên đơn vị: Địa chỉ: Đông Triều - Quảng Ninh Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Tiền mặt <span style="float: right;">MST: ---</span>					
ST T	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Cao đạm 0,65 T4	chai	200	18,900	3,780,000
Cộng tiền hàng:					3,780,000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		378,000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					4,158,000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu một trăm lăm mươi tám nghìn đồng chẵn./.					
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### TRUNG TÂM TIÊU THỤ MÁY CHAI

Số 7 - Đường Ngô Quyền - Hải Phòng

### BẢNG KÊ BÁN HÀNG CỦA TRUNG TÂM MÁY CHAI THÁNG 12 NĂM 2010

Ngày	Số HD	Tên và địa chỉ KH	MẮM CHAI										TM	CK	Tổng cộng		
			Ông sao 0,75	Cốt Quấn 0,30	Cao Đạm 0,65 T4	Cao Đạm 0,65 T2	Đặc Biệt 0,3	Hạng 1A	Hạng 1can 2lít	Hạng 1A 2lít	Dinh dưỡng 1B	...					
01	98952	Ô.Tùng - Nam Triệu			48					18					1,755,160		1,755,160
01	98953	Bà Hoa - Tiên Lãng			80					60					2,653,200		2,653,200
01	98954	Ô.Mạnh - Quảng Ninh			200										4,158,000		4,158,000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
02	98959	Ô.Chung - Nam Định	12		40				225						4,291,650		4,291,650
03	98960	Bà Oánh - Cty Muối		60	40					30					2,587,200		2,587,200
03	98961	Ô.Kiên - Kiến An			1200					120		300			28,314,000		28,314,000
04	98962	Bà Lan - Chợ Ga			60										1,247,400		1,247,400
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>Tổng cộng</b>			<b>1480</b>	<b>10850</b>	<b>73069</b>	<b>3642</b>	<b>453</b>	<b>33481</b>	<b>11462</b>	<b>7562</b>	<b>5589</b>	<b>...</b>	<b>2,539,006,968</b>	<b>263,273,064</b>	<b>2,802,280,032</b>		

Ngày	Số HD	Tên và địa chỉ KH	MẮM NƯỚC				TM	CK	Tổng cộng
			Hạng 1	Hạng 2	Mắm chắt A1	Mắm chắt A2			
01	98904	Bà Diễm – Quán Toan	200				1,188,000		1,188,000
01	98905	Bà Phương - Bắc Giang		1200			5,280,000		5,280,000

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

02	98906	Bà Sâm – Đông Khê		1200			5.280,000		5,280,000
02	98907	Bà Trúc – Nguyễn Khuyến			200		3,960,000		3,960,000
03	98908	Ông Chung – Nam Định		400			1,760,000		1,760,000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
28	99383	Ông Hải – Kiến An	1600				9,504,000		9,504,000
29	99384	Bà Định – Móng Cái			200	120	7,300,084		7,300,084
30	99385	Bà Sâm – Đông Khê		1200			6,336,000		6,336,000
30	99386	Ông Diệp – Hải Dương	160	40	40			2,226,400	2,226,400
<b>Tổng cộng</b>			<b>33418</b>	<b>36135</b>	<b>5889</b>	<b>2710</b>	<b>540,689,661</b>	<b>16,295,400</b>	<b>556,985,061</b>

Ngày	Số HD	Tên và địa chỉ KH	MẮM TÔM + BỘT CANH			TM	CK	Tổng cộng
			Mắm tôm đặc	Mắm tôm lỏng	Bột canh			
11	76228	Bà Luân – Hải Phòng			200	700,040		
16	76229	Bà Bích – Hải Phòng	90	84	200	3,802,020		
20	76230	Bà Loan – Đồ Sơn	70	73	100	2,505,800		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>Tổng cộng</b>			<b>322</b>	<b>471</b>	<b>705</b>	<b>13,956,546</b>	<b>-</b>	<b>13,956,546</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

### BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU THÁNG 12 NĂM 2010

T	Tên khách hàng	Doanh thu			TK 111			TK 131		
		Chưa thuế	Thuế	Có thuế	Chưa thuế	Thuế	Có thuế	Chưa thuế	Thuế	Có thuế
<b>MẮM CHAI</b>										
1	Khách lẻ	41,655,080	4,165,508	45,820,588	41,655,080	4,165,508	45,820,588	0	0	0
2	Ông Mai CH	57,540,600	5,754,060	63,294,660	0	0	0	57,540,600	5,754,060	63,294,660
3	Khách DVTH	199,810,000	19,981,000	219,791,000	0	0	0	199,810,000	19,981,000	219,791,000
	<b>Cộng</b>	299,005,680	29,900,568	328,906,248	41,655,080	4,165,508	45,820,588	257,350,600	25,735,060	283,085,660
4	CH DVTH	366,760,695	36,676,070	403,436,765	0	0	0	366,760,695	36,676,070	403,436,765
5	TT Máy Chai	2,547,527,302	254,752,730	2,802,280,032	0	0	0	2,547,527,302	254,752,730	2,802,280,032
6	CH Tam Bạc	538,144,830	53,814,483	591,959,313	0	0	0	538,144,830	53,814,483	591,959,313
7	CN Hà Nội	644,442,153	64,444,215	708,886,368	0	0	0	644,442,153	64,444,215	708,886,368
8	CH An Đông	316,813,084	31,681,308	348,494,392	0	0	0	316,813,084	31,681,308	348,494,392
	<b>Cộng</b>	4,413,688,064	441,368,806	4,855,056,870	0	0	0	4,413,688,064	441,368,806	4,855,056,870
	<b>Tổng</b>	<b>4,712,693,744</b>	<b>471,269,374</b>	<b>5,183,963,118</b>	<b>41,655,080</b>	<b>4,165,508</b>	<b>45,820,588</b>	<b>4,671,038,664</b>	<b>467,103,866</b>	<b>5,138,142,530</b>
<b>MẮM NƯỚC</b>										
1	Khách lẻ	1,963,000	196,300	2,159,300	1,963,000	196,300	2,159,300	0	0	0
2	Ông Mai CH	5,832,000	583,200	6,415,200	0	0	0	5,832,000	583,200	6,415,200
3	DNTS Sơn Hải	108,059,400	10,805,940	118,865,340	0	0	0	108,059,400	10,805,940	118,865,340

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

	<b>Cộng</b>	115,854,400	11,585,440	127,439,840	1,963,000	196,300	2,159,300	113,891,400	11,389,140	125,280,540
4	CH DVTH	40,143,409	4,014,341	44,157,750	0	0	0	40,143,409	4,014,341	44,157,750
5	TT Máy Chai	506,350,055	50,635,006	556,985,061	0	0	0	506,350,055	50,635,006	556,985,061
6	CH Tam Bạc	10,730,000	1,073,000	11,803,000	0	0	0	10,730,000	1,073,000	11,803,000
7	CN Hà Nội	8,980,200	898,020	9,878,220	0	0	0	8,980,200	898,020	9,878,220
8	CH An Đông	30,799,350	3,079,935	33,879,285	0	0	0	30,799,350	3,079,935	33,879,285
	<b>Cộng</b>	597,003,014	59,700,301	656,703,315	0	0	0	597,003,014	59,700,301	656,703,315
	<b>Tổng</b>	<b>712,857,414</b>	<b>71,285,741</b>	<b>784,143,155</b>	<b>1,963,000</b>	<b>196,300</b>	<b>2,159,300</b>	<b>710,894,414</b>	<b>71,089,441</b>	<b>781,983,855</b>
<b>MẮM TÔM</b>										
1	TT Máy Chai	10,536,405	1,053,641	11,590,046	0	0	0	10,536,405	1,053,641	11,590,046
2	CH DVTH	7,844,545	784,455	8,629,000	0	0	0	7,844,545	784,455	8,629,000
3	CH Hà Nội	4,097,104	409,710	4,506,814	0	0	0	4,097,104	409,710	4,506,814
	<b>Cộng</b>	<b>22,478,054</b>	<b>2,247,805</b>	<b>24,725,859</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22,478,054</b>	<b>2,247,805</b>	<b>24,725,859</b>
<b>BỘT CÁN</b>										
1	TT Máy Chai	2,151,364	215,139	2,366,500	0	0	0	2,151,364	215,136	2,366,500
2	CN Hà Nội	3,488,232	348,823	3,837,055	0	0	0	3,488,232	348,823	3,837,055
3	CH DVTH	1,011,818	101,182	1,113,000	0	0	0	1,011,818	101,182	1,113,000
	<b>Cộng</b>	<b>6,651,414</b>	<b>665,144</b>	<b>7,316,558</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6,651,414</b>	<b>665,141</b>	<b>7,316,555</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5,454,680,626</b>	<b>545,468,064</b>	<b>6,000,148,690</b>	<b>43,618,080</b>	<b>4,361,808</b>	<b>47,979,888</b>	<b>5,411,062,546</b>	<b>541,106,256</b>	<b>5,952,168,802</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

**Mẫu số S02a- DN**

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111	1121	1,800,000,000	
Các đơn vị nộp tiền hàng	111	131	5,516,758,652	
Doanh thu khách hàng lẻ	111	511	43,618,080	
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	111	3331	4,361,808	
.....	...	...	.....	
<b>Cộng</b>			<b>7,778,686,202</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

**Mẫu số S02a- DN**

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 05/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tiêu thụ sản phẩm qua công nợ	131	511	5,411,062,546	
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	541,106,256	
<b>Cộng</b>			<b>5,952,168,802</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thuỷ sản Cát Hải

Mẫu số S02c1 - DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				
31/12	01/12	31/12	Doanh thu khách hàng lẻ	111		43,618,080	
31/12	05/12	31/12	Tiêu thụ sản phẩm qua công nợ	131		5,411,062,546	
31/12	10/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	5,454,680,626		
			<b>Cộng SPS</b>		<b>5,454,680,626</b>	<b>5,454,680,626</b>	
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

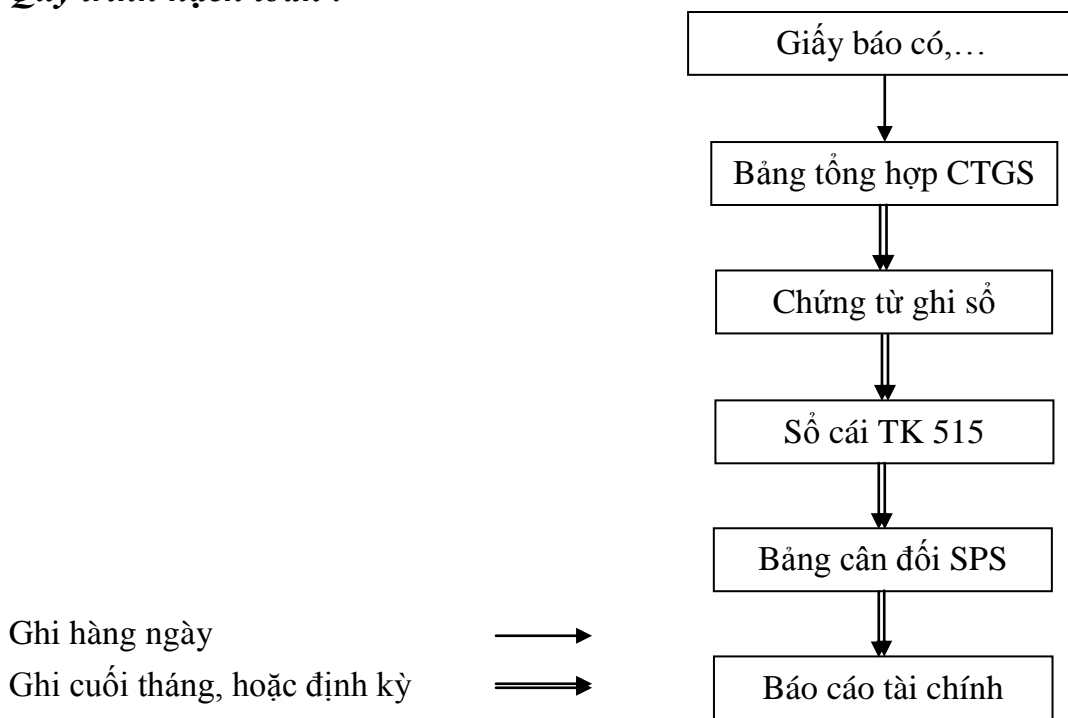
***Chứng từ sử dụng:***

- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

***Tài khoản sử dụng:***

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

***Quy trình hạch toán :***



***Ví dụ:***

Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty nhận được giấy báo Có của Ngân hàng NN &PT nông thôn Cát Hải về lãi tiền gửi tháng 12 được hưởng là **1,023,700đ**.

☛ Khi nhận được giấy báo Có, kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ. Cuối tháng, từ Bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ vào Chứng từ ghi sổ số 03/12 và từ Chứng từ ghi sổ số 03/12 vào Sổ cái TK 515.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Chi nhánh KV Cát Hải - TP Hải Phòng

Mã số thuế của CN: 0200116474-0081

### GIẤY BÁO CÓ

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 2103101000000011

<b>Tên khách hàng (Customer Name)</b> CTY CP CBDV TS CAT HAI <b>Địa chỉ: Khu 1 Thị Trấn Cát Hải</b> <b>Mã số thuế của KH 0200432014</b>	<b>Ngày giao dịch (Date)</b> 31/12/2010
--	--

**Thông báo với quý khách** ( *This is to certify that* )

Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.  
( *We have debited the following amount from your account/ or received by cash* )

Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.  
( *We have credited the following amount to your account/ or paid by cash* )

<b>Diễn giải</b> ( <i>Description</i> )	<b>Trả lãi tiền gửi</b>		
<b>Số TK</b> ( <i>A/C No</i> )	<b>2103211000002</b>	<b>Số GD</b> ( <i>Ref</i> )	

<b>Chi tiết</b> ( <i>Item</i> )	<b>Số tiền</b> ( <i>Amount</i> )			<b>Diễn giải</b> ( <i>Remark</i> )
Lãi nhập gốc	C	1,023,700	VNĐ	Trả lãi tiền gửi
Tổng số		1,023,700	VNĐ	

Người in: Lê Mạnh Hoài

D: Nợ, C: Có

Ngày in: 31/12/2010

Giờ in: 14:25:12

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

## BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
NT	Số hiệu		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
07/12	GBC 08	Ông Diệp (Hung Yên) thanh toán tiền mắ	1121	131	111,127,000
08/12	GBC 12	DNTS Sơn Hải thanh toán tiền mắ	1121	131	170,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	GBC 29	Lãi tiền gửi ngân hàng NN & PT nông thôn Cát Hải T12	1121	515	1,023,700
31/12	GBC 31	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB Hải Phòng T12	1121	515	844,137
		<b>Tổng cộng</b>			<b>4,711,543,068</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02a- DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Các đơn vị thanh toán tiền hàng	1121	131	2,659,675,231	
Hoàn tiền ứng trước mua muối	1121	141	250,000,000	
Lãi tiền gửi ngân hàng (Nông nghiệp Cát Hải + ngân hàng ACB Hải Phòng)	1121	515	1,867,837	
Vay tiền ngân hàng SXKD	1121	311	1,800,000,000	
<b>Cộng</b>			<b>4,711,543,068</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02c1 - DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>				
			.....				
31/12	03/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121		1,867,837	
31/12	10/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	3,146,964		
			<b>Cộng SPS</b>		<b>3,146,964</b>	<b>3,146,964</b>	
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.1.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác**

Trong tháng 12 Công ty không phát sinh thu nhập khác.

### **2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí.**

#### **2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán:**

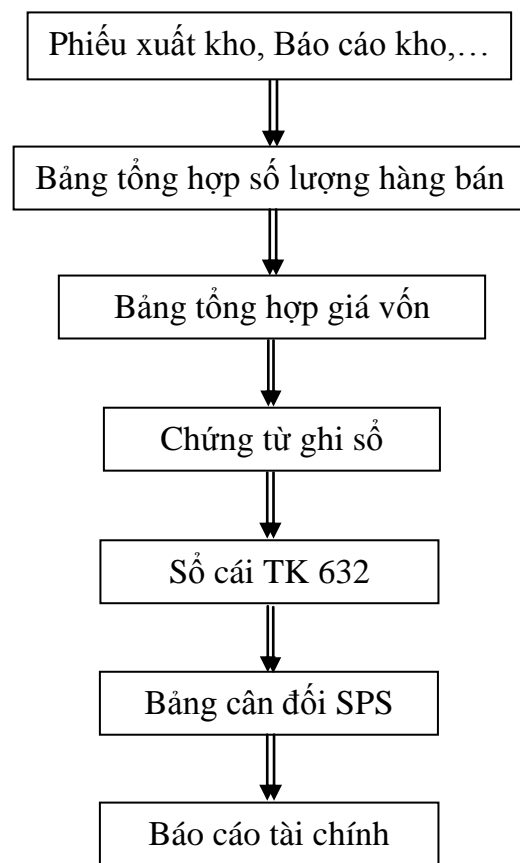
##### **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho, báo cáo kho,...
- Các chứng từ khác có liên quan.

##### **Tài khoản sử dụng**

TK 632 “Giá vốn hàng bán “

##### **Quy trình hạch toán**



Ghi hàng ngày                      →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ      ⇒

#### **Ví dụ 1: Bán hàng tại công ty**

Ngày 15 tháng 12 năm 2010, Công ty xuất bán cho Bà Sứ gồm: 100 lít mắm hạng 1 và 05 chai mắm Ông sao 0,75 theo hóa đơn GTGT số 0024811.

☛ Kế toán lập phiếu xuất kho số 38/12. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho 38/12 vào Bảng tổng hợp số lượng hàng bán tháng 12. Căn cứ vào Bảng tổng hợp số lượng hàng bán tháng 12 và đơn giá từng mặt hàng (kế toán tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ), kế toán lập Bảng tổng hợp giá vốn. Căn cứ vào bảng tổng hợp giá vốn, kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 08/12, từ chứng từ ghi sổ số 08/12 vào Sổ cái TK 632.

### Ví dụ 2: Bán hàng tại các cửa hàng

Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyên hàng cho trung tâm Máy Chai kèm theo phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ số 0050701.

Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Trung tâm Máy Chai bán mắm Cao đạm 0,65 T4 cho Ông Mạnh (Quảng Ninh) theo hóa đơn GTGT số 0098954 với số lượng là 200 chai.

☛ Cuối tháng, kế toán trung tâm căn cứ vào phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ 0050701 vào Bảng kê nhập hàng tháng 12. Căn cứ vào Bảng kê nhập hàng tháng 12 và hóa đơn GTGT bán ra trong tháng 12 lập Báo cáo kho tháng 12 gửi về cho Công ty. Kế toán công ty căn cứ vào báo cáo kho tháng 12 vào Bảng tổng hợp số lượng hàng bán tháng 12. Căn cứ vào bảng tổng hợp số lượng hàng bán tháng 12 và đơn giá từng mặt hàng (kế toán tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ), kế toán lập Bảng tổng hợp giá vốn. Căn cứ vào bảng tổng hợp giá vốn, kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 08/12, căn cứ vào chứng từ ghi sổ 08/12 vào Sổ cái TK 632.



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

Mẫu số 02 - VT

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số: XK 38/12

Nợ: 632

Có:155

Họ, tên người nhận hàng: Bà Sáu - Cát Hải

Lý do xuất kho: bán hàng

Xuất tại kho: công ty

T	Tên hàng	Đơn vị	Số	Giá đơn	Thành tiền	Ghi
T		tính	lượng	vị		chú
1	Mắm hạng 1	Lít	100	---	-----	
2	Mắm ông Sao 0,75	Chai	05	---	-----	
	<b>Cộng</b>				-----	

Thành tiền:.....

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

K.T trưởng

Thủ kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Thủ trưởng đơn vị

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CTY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THUỶ SẢN CÁI HẢI**

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200432014

Mẫu số: **03P XK-3LL**

Ký hiệu: AC/2010B

**0050701**

## PHIẾU XUẤT KHO KIỂM VẬN CHUYÊN NỘI BỘ

(Liên 03: Nội bộ)

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Căn cứ lệnh điều động số:

Của Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Họ tên người vận chuyển: Nguyễn Văn Chiến

Phương tiện vận chuyển: xe ô tô

Xuất tại kho: Công ty

Nhập tại kho: Trung tâm Máy Chai

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Về việc xuất kho:

Hợp đồng số:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (SP, HH)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Thực xuất	Thực nhập		
1	Mắm chắt A1		lít	300			
2	Mắm hạng 1		lít	300			
3	Cao đạm 0,65 thùng 4		chai	300			
4	Ổng sao 0,75		chai	360			
5	Hạng 1 can 2lít		can	792			
<b>Tổng cộng</b>							

Số tiền viết bằng chữ:

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ kho xuất**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người vận chuyển**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ kho nhập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## TRUNG TÂM TIÊU THỤ MÁY CHAI

Số 7 – Đường Ngô Quyền – Hải Phòng

### BẢNG KÊ NHẬP HÀNG THÁNG 12 NĂM 2010

Ng ày	Số Phiếu	Tên v/c	Ông sao 0.75	Ông sao 0.38	Cá quần 0.30	Cao đạm 0.65T4	Cao đạm 0.65T2	Đặc biệt 0.30	Thượng Hạng sắt 0.5	Hạng 1B sắt 0.5	Hạng 1B thường	Hạng 1can 2lít	Hạng 1A 1lít	Mắm chất A1	Mắm chất A2	Hạng 1	Mắm tôm đặc	...
1	50701	Xe Chiến	360			300						792		300		300		
5	50702	Tàu Dương					600					1200						
8	50703	Tàu Long										1200					300	
9	50704	Tàu Dương			1500		600			1500		480		760	500			
13	50705	Tàu Năm	360									1200						
14	50706	Tàu Đức			1500					1500		600						
18	50707	Tàu Long			3000													
...	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	...
28	50725	Xe ô tô	360				240					792		200	200			
29	50726	Xe ô tô										900		300	300			
31	50727	Tàu Đức	360		1500		1200		2000			1200		500	340			
...	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	...
<b>Tổng cộng</b>			<b>1440</b>	<b>360</b>	<b>12000</b>	<b>12000</b>	<b>4440</b>	<b>600</b>	<b>3000</b>	<b>6000</b>	<b>3000</b>	<b>13572</b>	<b>6900</b>	<b>5400</b>	<b>3140</b>	<b>1000</b>	<b>600</b>	<b>...</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán**  
(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## TRUNG TÂM TIÊU THỤ MÁY CHAI

Số 7 – Đường Ngô Quyền – Hải Phòng

### BÁO CÁO KHO TRUNG TÂM MÁY CHAI THÁNG 12 NĂM 2010

TT	Tên hàng	Tồn ĐK	Nhập P.xuất	Nhập thực tế	Hao v/c	Tổng nhập	Xuất thực tế	Hao theo xe	Tổng xuất	Tồn CK
<b>A</b>	<b>KHO MẮM CHAI</b>									
1	Mắm Ông sao nhỏ(0,38)	304	360	360		664	401		401	263
2	Mắm Ông sao to (0,75)	464	1440	1440		1904	1480		1480	424
3	Cá mực 30	1672	3000	3000		4672	3053	2	3053	1617
4	Cá quân 30	2849	12000	12000		14849	10850	4	10850	3995
5	Vị hương 25	1420	2000	2000		3420	3156		3156	264
6	Cao đậm 50	4813	12000	12000		16813	9314		9314	7499
7	Cao đậm 65 thùng 2	802	4440	4440		5242	3642	6	3642	1594
8	Đặc biệt 30	327	600	600		927	453	2	453	472
9	Hạng 1 can 2lít	1778	13572	13572		15350	11462	12	11462	3876
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>B</b>	<b>KHO MẮM NƯỚC</b>									
1	Mắm hạng 1	34743	28475	28319	156	63062	33418	172	35718	29472
2	Mắm hạng 2	37215	56010	55703	307	92918	36135	195	36135	56588
3	Mắm chắt A1	1606	5400	5400		7006	5889		5889	1117
4	Mắm chắt A2	1252	3140	3140		4392	2710	28	2710	1654
<b>C</b>	<b>MẮM TÔM + BỘT CANH</b>									
1	Bột canh	1346	1000	1000		2346	705		705	1641
2	Mắm tôm đặc	126	600	600		726	322		322	404
3	Mắm tôm lỏng	381	280	280		661	471		471	190

Giám đốc trung tâm

Thủ kho

Người lập

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

## BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HÀNG BÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẮM CHAI																				
T	Tên khách hàng	Ông sao	Ông sao	Mắm Mực	Cốt Quấn	Vị Hương	Cao Đạm	Cao Đạm	Cao Đạm	Đặc Biệt	T. Hạng	T. Hạng	Cốt Nhâm	Cốt Nhâm	Hạng 1B	Hạng 1	Hạng 1	Hạng 1A	Hạng 1B	...
		0,75	0,38	0,30	0,30	0,30	0,50	0,65T2	0,65T4	0,30	0,70	Sắt0,5	0,70	Can2L	Sắt0,5	Fe0,5	Can2L	1L	0,50	
1	Khách lẻ	48	0	0	360	120	300	240	800	0	0	80	120	0	0	0	0	0	0	0
2	Ô.Mai-CH	60	0	0	600	800	600	0	1300	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0
3	DVTH	300	192	960	660	1000	1350	180	2380	1140	0	0	480	498	450	0	1158	450	0	
	<b>Cộng</b>	408	192	960	1620	1920	2250	420	4480	1140	0	180	600	498	450	0	1158	450	0	
4	DVTH	368	108	820	2024	1124	3226	1126	5780	227	125	624	383	771	32	19	1105	242	860	
5	<b>Máy Chai</b>	<b>1480</b>	<b>401</b>	<b>3053</b>	<b>10850</b>	<b>3156</b>	<b>9314</b>	<b>3642</b>	<b>73069</b>	<b>453</b>	<b>20</b>	<b>1692</b>	<b>2270</b>	<b>5392</b>	<b>4215</b>	<b>0</b>	<b>11462</b>	<b>7562</b>	<b>2558</b>	
6	Tam Bạc	0	108	435	1039	0	1530	576	21344	0	0	420	964	425	0	0	2010	752	0	
7	An Đồng	36	0	195	883	172	1349	660	10778	0	0	236	492	691	411	0	1253	267	395	
8	Hà Nội	644	574	2081	2385	404	2515	664	21156	0	20	492	509	964	103	0	1360	1604	0	
	<b>Cộng</b>	2528	1191	6584	17181	4856	17934	6668	132127	680	165	3464	4618	8243	4761	19	17190	10427	3813	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2936</b>	<b>1383</b>	<b>7544</b>	<b>18801</b>	<b>6776</b>	<b>20184</b>	<b>7088</b>	<b>136607</b>	<b>1820</b>	<b>165</b>	<b>3644</b>	<b>5218</b>	<b>8741</b>	<b>5211</b>	<b>19</b>	<b>18348</b>	<b>10877</b>	<b>3813</b>	<b>...</b>

MẮM NƯỚC								
TT	Tên khách hàng	Hạng 1	Hạng 2	Mắm chắt A1	Mắm chắt A2	Mắm tôm đặc	Mắm tôm lỏng	Bột canh
1	Khách lẻ	302	0	0	0	0	0	0
2	Ông Mai – Cát Hải	1080	0	0	0	0	0	0
3	DNTS Sơn Hải	20011	0	0	0	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>21393</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

4	CH DVTH	3668	0	603	179	0	0	0
<b>5</b>	<b>TT Máy Chai</b>	<b>33418</b>	<b>36135</b>	<b>5889</b>	<b>2710</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
6	Tam Bạc	1083	0	160	100	0	0	0
7	An Đông	1860	1360	280	731	0	0	0
8	Hà Nội	1100	0	0	300	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>41129</b>	<b>37495</b>	<b>6932</b>	<b>4020</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>62522</b>	<b>37495</b>	<b>6932</b>	<b>4020</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>MẮM TÔM</b>								
1	CH DVTH	0	0	0	0	291	110	0
<b>2</b>	<b>TT Máy Chai</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>322</b>	<b>471</b>	<b>0</b>
3	Hà Nội	0	0	0	0	190	28	0
	<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>803</b>	<b>609</b>	<b>0</b>
<b>BỘT CANH</b>								
1	CH DVTH	0	0	0	0	0	0	315
2	TT Máy Chai	0	0	0	0	0	0	705
3	Hà Nội	0	0	0	0	0	0	1232
	<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2252</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

### BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN

Tháng 12 năm 2010

TT	Tên sản phẩm	Số lượng tiêu thụ	632 - 155			632 - 157		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I. MẮM CHAI CÁC LOẠI</b>		<b>259175</b>	<b>16726</b>	<b>-</b>	<b>185,292,000</b>	<b>242449</b>	<b>-</b>	<b>2,594,877,400</b>
1	Mắm Ông sao 0,75	2936	408	50,000	20,400,000	2528	50,000	126,400,000
2	Mắm Ông sao 0,38	1383	192	25,000	4,800,000	1191	25,000	29,775,000
3	Mắm mực 0,30	7544	960	15,000	14,400,000	6584	15,000	98,760,000
4	Mắm Cốt quân 0,30	18801	1620	10,800	17,496,000	17181	10,800	185,554,800
5	Mắm Vị hương 0,25	6776	1920	8,000	15,360,000	4856	8,000	38,848,000
6	Cao đậm 0,50	20184	2250	9,000	20,250,000	17934	9,000	161,406,000
7	Cao đậm loại 0,65 (T2+T4)	143695	4900	10,800	52,920,000	138795	10,800	1,498,986,000
8	Mắm Đặc biệt 0,30	1820	1140	9,000	10,260,000	680	9,000	6,120,000
9	Mắm Thượng hạng 0,70	165	0	0	0	165	10,000	1,650,000
10	Mắm Thượng hạng sắt 0,50	3644	180	8,000	1,440,000	3464	8,000	27,712,000
11	Mắm Cốt nhâm 0,70	5218	600	7,500	4,500,000	4618	7,500	34,635,000
12	Cốt nhâm can 2 lít	8741	498	17,000	8,466,000	8243	17,000	140,131,000
13	Hạng 1B sắt 0,50	5211	450	3,000	1,350,000	4761	3,000	14,283,000
14	Hạng 1sắt 0,50	19	0	0	0	19	4,000	76,000
15	Hạng 1can 2lít	18348	1158	10,000	11,580,000	17190	10,000	171,900,000
16	Hạng 1A 1lít	10877	450	4,600	2,070,000	10427	4,600	47,964,200
17	Hạng 1B (0,50lít)	3813	0	0	0	3813	2,800	10,676,400

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>II. MẮM NƯỚC CÁC LOẠI</b>		<b>110969</b>	<b>21393</b>	<b>-</b>	<b>64,179,000</b>	<b>89576</b>	<b>-</b>	<b>335,625,000</b>
1	Hạng 1	62522	21393	3,000	64,179,000	41129	3,000	123,387,000
2	Hạng 2	37495	0	0	0	37495	2,000	74,990,000
3	Mắm chắt A1	6932	0	0	0	6932	14,000	97,048,000
4	Mắm chắt A2	4020	0	0	0	4020	10,000	40,200,000
<b>III. MẮM TÔM CÁC LOẠI</b>		<b>1412</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1412</b>	<b>-</b>	<b>7,946,500</b>
1	Mắm tôm đặc	803	0	0	0	803	8,000	6,424,000
2	Mắm tôm lỏng	609	0	0	0	609	2,500	1,522,500
<b>IV. BỘT CANH</b>		<b>2252</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2252</b>	<b>1,500</b>	<b>3,378,000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>373808</b>	<b>38119</b>	<b>-</b>	<b>249,471,000</b>	<b>335689</b>	<b>-</b>	<b>2,941,826,900</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02a- DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 08/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Giá vốn hàng bán tại kho	632	155	249,471,000	
Giá vốn hàng gửi bán	632	157	2.941.826.900	
<b>Cộng</b>			<b>3.191.297.900</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02c1 - DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>				
31/12	08/12	31/12	Giá vốn hàng bán tại kho	155	249,471,000		
31/12	08/12	31/12	Giá vốn hàng gửi bán	157	2.941.826.900		
31/12	11/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		3.191.297.900	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>3.191.297.900</b>	<b>3.191.297.900</b>	
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

+ Chi phí bán hàng của Công ty gồm: chi xăng xe, cầu phà vận chuyển mắ; chi phí vận chuyển mắ, chi chào hàng, quảng cáo, chi lương bộ phận bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí CCDC, chi khảo sát thị trường, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty gồm: chi phí công tác phí, chi phí đăng kiểm tàu định kỳ, chi tiếp khách, chi lương bộ phận quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí CCDC, chi phí báo, điện thoại, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

**Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.
- Các chứng từ khác có liên quan.

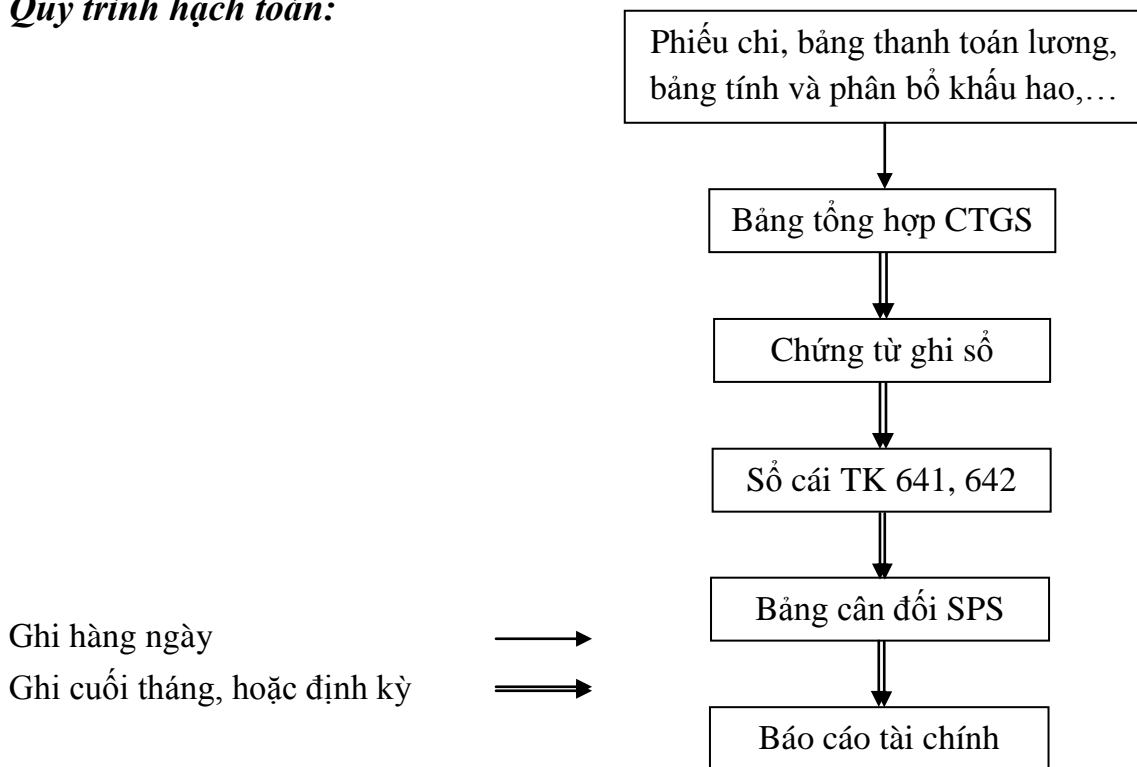
**Tài khoản sử dụng:**

TK 641: Chi phí bán hàng

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty không mở tài khoản cấp 2 cho 2 tài khoản này.

**Quy trình hạch toán:**



**Ví dụ 1:**

✓ Ngày 25 tháng 12 năm 2010, Công ty đăng thông tin trên tạp chí Tài nguyên và Môi trường với số tiền là **6,000,000đ** (VAT 10%), thanh toán qua ngân hàng Ngoại Thương Ba Đình - Hà Nội.

☛ Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0099328, ủy nhiệm chi số 26/12, kế toán vào Bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ. Cuối tháng từ bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ vào Chứng từ ghi sổ số 04/12 và từ chứng từ ghi sổ số 04/12 vào Sổ cái TK 641.

**ỦY NHIỆM CHI**

**SỐ: 26/12**

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN

**Lập ngày 25/12**

Tên đơn vị chuyển tiền: **CTY CP CBDVTS CÁT HẢI**

Số tài khoản: 2103211000002

Tại Ngân hàng NN & PT nông thôn Cát Hải      Tỉnh, TP: Hải Phòng

Tên đơn vị nhận tiền: **TẠP CHÍ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số tài khoản: 0611001515054

Tại Ngân hàng Ngoại Thương Ba Đình      Tỉnh, TP: Hà Nội

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu đồng chẵn

Nội dung thanh toán: Quảng cáo thông tin DN trên tạp chí

<b>PHẦN DO NH GHI TÀI KHOẢN NỢ</b> .....
<b>TÀI KHOẢN CÓ</b> .....
<b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ 6,000,000</b>

<b>Đơn vị trả tiền</b>		<b>Ngân hàng A</b>		<b>Ngân hàng B</b>	
		Ghi sổ ngày.....		Ghi sổ ngày.....	
Kế toán	Chủ tài khoản	Kế toán	Trưởng phòng kế toán	Kế toán	Trưởng phòng kế toán

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT-3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>TN/2010B</b>			
Liên 2: Giao cho khách hàng		<b>0099328</b>			
Ngày 25 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: <b>TẠP CHÍ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>					
Địa chỉ: 79 Nguyễn Chí Thanh - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội					
Số tài khoản: 06.11001515054					
Điện thoại: 04.38353595/04.37733419			MST: <b>0101423611</b>		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: <b>CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI</b>					
Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK			MST: <b>0200432014</b>		
ST T	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Đăng thông tin trên tạp chí	Kỳ in	1	5.454.545	5.454.545
Cộng tiền hàng					5.454.545
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		545.455	
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu đồng chẵn./.					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<b>Bán hàng qua điện thoại</b>			<b>Chu Thái Thành</b>		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

## BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
NT	Số hiệu		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
08/12	UNC 15/12	Chi xử phạt hành chính về nhãn hiệu hàng hóa	811	1121	16,000,000
09/12	GBN 14/12	Trả nợ tiền vay ngân hàng	311	1121	500,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
25/12	UNC 26/12	Quảng cáo thông tin trên tạp chí	641	1121	5,454,545
25/12	UNC 26/12	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	133	1121	545,455
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>			<b>6,600,758,561</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02a- DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
.....			.....	
Chi xử phạt hành chính về nhãn hiệu hàng hóa	811	1121	16,000,000	
Chi phí bán hàng bằng tiền gửi ngân hàng	641	1121	50,227,768	
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	133	1121	118,112,264	
Trả nợ tiền vay ngân hàng, tiền huy động vốn	311	1121	1,929,885,088	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			<b>6,600,758,561</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02c1 - DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>				
			.....				
31/12	04/12	31/12	Chi phí bán hàng bằng tiền gửi ngân hàng	1121	50,227,768		
31/12	07/12	31/12	Khấu hao TSCĐ	214	14,600,000		
31/12	07/12	31/12	Tính lương bộ phận bán hàng	334	223,607,000		
31/12	07/12	31/12	Trích các khoản theo lương	338	17,318,000		
31/12	11/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		647,616,720	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>647,616,720</b>	<b>647,616,720</b>	
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Ví dụ 2:**

✓ Ngày 26 tháng 12 năm 2010, Công ty chi tiếp khách cho Công ty TNHH Quang Sơn với số tiền là **1,320,000đ** (VAT 10%) thanh toán bằng tiền mặt.

☛ Khi nhận được hoá đơn GTGT số 0038668, kế toán lập phiếu chi số 68/12, căn cứ vào phiếu chi số 68/12 vào Bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ. Cuối tháng, từ bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ lập Chứng từ ghi sổ số 02/12 và từ chứng từ ghi sổ số 02/12 vào Sổ cái TK 642.

**CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DV THỦY SẢN CÁT HẢI**

*Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng*

**Mẫu số 02 / TT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU CHI**

*Ngày 26 tháng 12 năm 2010*

**Số: 68/12**

**NỖ: 642,133**

**CÓ: 111**

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Phương Đông.....

Địa chỉ: Phòng TC – HC.....

Lý do chi: **Chi tiếp khách theo hoá đơn GTGT số 0038668**.....

Số tiền: **1,320,000 VNĐ**.....

Viết bằng chữ: **Một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn**.....

Kèm theo: 01HĐ GTGT số 0038668.....

*Ngày 26 tháng 12 năm 2010*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nộp</b>	<b>Thủ quỹ</b>
<i>(Ký, đóng dấu, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT-3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>SP/2010B</b>		
Liên 2: Giao cho khách hàng			<b>0038668</b>		
Ngày 26 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH QUANG SƠN</b>					
Địa chỉ: Số 510 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MST: <b>0200590525</b>		
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Phương Đông					
Tên đơn vị: <b>CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI</b>					
Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM			MST: <b>0200432014</b>		
ST T	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Tiếp khách				1.200.000
Cộng tiền hàng					1.200.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		120.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.320.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<b>Nguyễn Phương Đông</b>		<b>Lê Thanh Trà</b>		<b>Vũ Hồng Tuyên</b>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

## BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
NT	Số hiệu		Nợ	Có	
02/12	PC 05/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng nông nghiệp Cát Hải	1121	111	700,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/12	PC 68/12	Chi tiếp khách	642	111	1,200,000
26/12	PC 68/12	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	133	111	120,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PC 92/12	Chi lương kỳ 2 tháng 12	334	111	833,607,778
31/12	PC 93/12	Chi lương tháng 13 năm 2010	334	111	566,236,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>			<b>8,485,974,398</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02a- DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	1121	111	4,357,800,000	
Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tiền mặt	642	111	228,893,372	
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	133	111	35,200,932	
Chi lương, thưởng chế độ cho các đơn vị tháng 12	334	111	2,301,318,188	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			<b>8,485,974,398</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02c1 - DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				
...	...	...	.....		...	...	
31/12	02/12	31/12	Chi QLDN bằng tiền mặt	111	228,893,372		
31/12	07/12	31/12	Khấu hao TSCĐ	214	3,000,000		
31/12	07/12	31/12	Tính lương bộ phận QLDN	334	233,132,000		
31/12	07/12	31/12	Trích các khoản theo lương	338	12,857,000		
31/12	11/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		557,056,681	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>557,056,681</b>	<b>557,056,681</b>	
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính của Công ty là khoản lãi vay phải trả.

***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu chi, Giấy báo Nợ.
- Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay.
- Các chứng từ khác có liên quan.

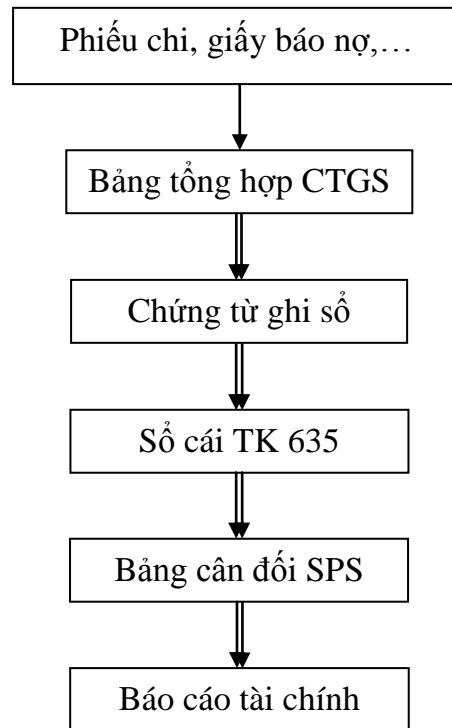
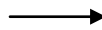
***Tài khoản sử dụng:***

TK 635 “Chi phí tài chính”

***Quy trình hạch toán:***

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



***Ví dụ:***

Ngày 31 tháng 12 năm 2010, trả lãi tiền vay huy động vốn bên trong Công ty tháng 12.

☛ Kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp trả lãi tiền vay tháng 12 lập phiếu chi số 82/12. Từ phiếu chi số 82/12 vào Bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ. Cuối tháng, căn cứ từ bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ vào Chứng từ ghi sổ 02/12 và từ chứng từ ghi sổ số 02/12 vào Sổ cái TK 635.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DV THỦY SẢN CÁI HẢI

Mẫu số 02 / TT

Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU CHI

Số: 82/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NỢ: 635

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền:.....

Địa chỉ: Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.....

Lý do chi: **Chi trả lãi tiền vay huy động vốn bên trong công ty tháng 12**.....

Số tiền: **14,415,348 VNĐ**.....

Viết bằng chữ: **Mười bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng**.....

Kèm theo: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay tháng 12.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập phiếu**

**Người nộp**

**Thuỷ quỹ**

(Ký, đóng dấu,  
họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

### BẢNG TỔNG HỢP TRẢ LÃI TIỀN VAY

Tháng 12 năm 2010

STT	Họ và tên	Đơn vị	Số tiền gốc	Lãi suất	Số ngày thực tế	Thành tiền	Ký nhận
1	Phạm Thế Lộc	HDQT	620,000,000	1.012%	31	6,483,547	
2	Vũ Văn Cao	Giám đốc	640,000,000	1.012%	31	6,692,693	
3	Lâm Văn Rồng	BKS	118,491,800	1.012%	31	1,239,108	
	<b>Cộng</b>		<b>1,378,491,800</b>			<b>14,415,348</b>	

*Số tiền bằng chữ: Mười bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng.*

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** - Căn cứ vào điều 25 Điều lệ công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

- Nhiệm kỳ 3 năm 2010 – 2012 (Hưởng 75% lãi suất vay ngân hàng)

- Lãi suất Ngân hàng Cát Hải cho vay tại thời điểm tháng 12 là 1.35%



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

## BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
NT	Số hiệu		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
08/12	PC 19/12	Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng nông nghiệp Cát Hải	1121	111	600,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PC 82/12	Chi trả lãi tiền vay huy động vốn bên trong Công ty	635	111	14,415,348
31/12	PC 83/12	Chi trả lãi tiền vay huy động vốn sản xuất kinh doanh của cán bộ CNV	635	111	63,870,700
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PC 92/12	Chi lương kỳ 2 tháng 12	334	111	833,607,778
31/12	PC 93/12	Chi lương tháng 13 năm 2010	334	111	566,236,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>			<b>8,485,974,398</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02a- DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
.....			.....	
Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	1121	111	4,357,800,000	
Trả lãi vay huy động vốn	635	111	78,286,048	
Chi lương, thưởng chế độ cho các đơn vị T12	334	111	2,301,318,188	
<b>Cộng</b>			<b>8,485,974,398</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02c1 - DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				
31/12	02/12	31/12	Trả lãi vay huy động vốn	111	78,286,048		
31/12	04/12	31/12	Trả lãi vay ngân hàng	112	324,881,112		
31/12	11/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		403,167,160	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>403,167,160</b>	<b>403,167,160</b>	
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### **2.2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí khác.**

Chi phí khác của công ty là: giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán; chi phí thanh lý, nhượng bán; chi xử phạt hành chính về vi phạm nhãn hiệu hàng hoá, vi phạm hành chính về nộp chậm tờ khai thuế.

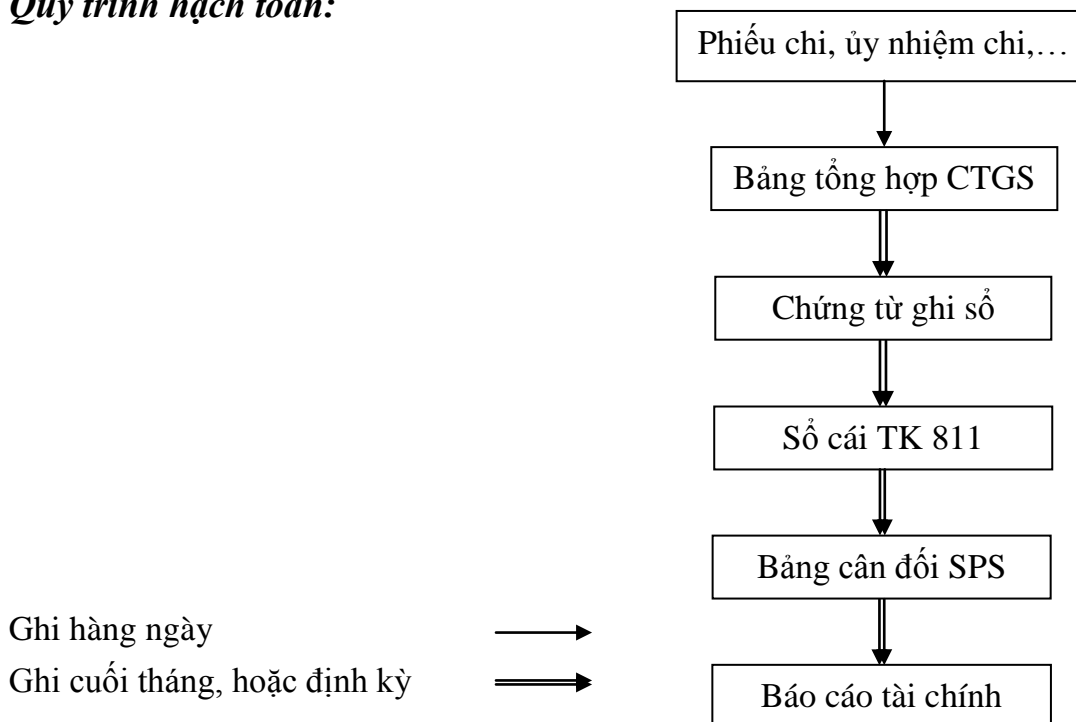
##### ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, biên bản thanh lý TSCĐ,...
- Các chứng từ khác có liên quan.

##### ***Tài khoản sử dụng:***

TK 811” Chi phí khác”

##### ***Quy trình hạch toán:***



##### ***Ví dụ:***

Ngày 08 tháng 12 năm 2010, Công ty nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường chất lượng, với số tiền là: **16,000,000đ**.

☛ Khi nhận được quyết định xử phạt, kế toán viết Ủy nhiệm chi số 15/12 nộp phạt vào Kho bạc nhà nước Hà Nội. Căn cứ Ủy nhiệm chi số 15/12 vào Bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ. Cuối tháng, từ bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ lập Chứng từ ghi sổ số 04/12. Từ chứng từ ghi sổ số 04/12 vào Sổ cái TK 811.

**UỶ NHIỆM CHI**

**SỐ: 15/12**

CHUYÊN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN **Lập ngày 08/12**

Tên đơn vị chuyển tiền: **CTY CP CBDVTS CÁT HẢI**

Số tài khoản: 2103211000002

Tại Ngân hàng NN & PT nông thôn Cát Hải      Tỉnh, TP: Hải Phòng

Tên đơn vị nhận tiền: **CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG HÀ NỘI**

Số tài khoản: 920.90.006

Tại Ngân hàng Kho bạc nhà nước      Tỉnh, TP: Hà Nội

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu đồng chẵn

Nội dung thanh toán: Tiền nộp xử phạt hành chính

<b>PHẦN DO NH GHI TÀI KHOẢN NỢ</b>
.....
<b>TÀI KHOẢN CÓ</b>
.....
<b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ 16,000,000</b>

**Đơn vị trả tiền**

**Ngân hàng A**

**Ngân hàng B**

Ghi số ngày.....

Ghi số ngày.....

Kế toán

Chủ tài khoản

Kế toán

Trưởng phòng kế toán

Kế toán

Trưởng phòng kế toán

**CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HÀ NỘI**

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

-----@-----

Mẫu số 14/QLTT

Số 0299881/QĐ-XPHC

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT**

**VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

*Liên 2: Giao cho tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính*

- Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 07 năm 2002;
- Căn cứ nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002;
- Căn cứ Nghị định số 54/2009/NĐ-CP ngày 05/06/2009 của Chính phủ;
- Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 0327349/BB-VPHC do đội quản lý thị trường số 17 lập hồi 11 giờ 00 ngày 22 tháng 11 năm 2010 tại Đội quản lý thị trường số 17.

Do Ông: Nguyễn Đức Lộc

Chức vụ: Phó chi cục trưởng

**QUYẾT ĐỊNH:**

**ĐIỀU 1:** Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

- Ông(bà)/tổ chức: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.
- Nghề nghiệp(lĩnh vực hoạt động): kinh doanh thương mại
- Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải, TP Hải Phòng
- Giấy CMND số/ Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: 0203000088
- Cấp ngày: 24/07/2001                      Tại: Hải Phòng

Với các hình thức sau: Hình thức xử phạt hành chính, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có), lý do (đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm... Khoản... Điều... Nghị định số... /NĐ-CP ngày... tháng... năm về xử phạt trong lĩnh vực...), tình tiết liên quan đến vụ việc:

- Hình thức xử phạt hành chính:

Phạt tiền: **16,000,000đ (Mười sáu triệu đồng)** đối với hành vi sản xuất thực phẩm có nhãn mác hàng hóa nhưng không ghi nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn mác theo tính chất của hàng hóa theo quy định vi phạm Điểm a Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 54/2009/NĐ-CP ngày 05/06/2009 của Chính phủ.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tạm đình chỉ lưu thông hàng hóa có nhãn vi phạm để bổ sung đầy đủ các nội dung bắt buộc theo quy định, áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 54/2009/NĐ-CP ngày 05/06/2009 của Chính phủ.

**ĐIỀU 2:**

- Ông(bà)/tổ chức: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 tháng 11 năm 2010 trừ trường hợp được hoãn chấp hành hoặc... thời hạn này, nếu Ông(bà)/đại diện tổ chức cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.
- Tiền phạt quy định tại điều 1 phải nộp vào tài khoản số: 920-90-006 của Kho bạc nhà nước Hà Nội trong vòng 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.
- Ông(bà)/tổ chức: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của Pháp luật.

**ĐIỀU 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2010, trong thời hạn 3 ngày, Quyết định này được gửi cho:

- 1- Ông(bà)/tổ chức: Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải để chấp hành;
- 2- Kho bạc nhà nước Hà Nội;
- 3- Đội trưởng đội quản lý thị trường số 17 đơn đốc thực hiện quyết định này.

Quyết định này gồm 02 trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

- + Như điều 1,2,3;
- + Hồ sơ vụ việc;
- + Kho bạc nhà nước;
- + Lưu cơ quan kiểm tra.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

Phó chi cục trưởng

**NGUYỄN ĐẮC LỘC**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

### BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
NT	Số hiệu		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
08/12	UNC 15/12	Chi xử phạt hành chính về nhãn hiệu hành hóa	811	1121	16,000,000
09/12	GBN 14/12	Trả nợ tiền vay ngân hàng	311	1121	500,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
25/12	UNC 26/12	Quảng cáo thông tin trên tạp chí theo HĐ 0099328	641	1121	5,454,545
25/12	UNC 26/12	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	133	1121	545,455
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>			<b>6,600,758,561</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
.....			.....	
Chi xử phạt hành chính về nhãn hiệu hàng hóa	811	1121	16,000,000	
Chi phí bán hàng bằng tiền gửi ngân hàng	641	1121	50,227,768	
Trả nợ tiền vay ngân hàng, tiền huy động vốn	311	1121	1,929,885,088	
<b>Cộng</b>			<b>6,600,758,561</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

Mẫu số S02c1 - DN

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>				
31/12	04/12	31/12	Chi xử phạt hành chính về nhãn hiệu hàng hóa	1121	16,000,000		
31/12	11/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		16,000,000	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>16,000,000</b>	<b>16,000,000</b>	
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

Cuối mỗi tháng Công ty tiến hành xác định kết quả kinh doanh.

**Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán

**Tài khoản sử dụng:**

➤ TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

☛ Thuế suất thuế TNDN hiện tại của công ty là 10% và được miễn giảm 50% trên số phải nộp (vì công ty nằm trong diện hưởng ưu đãi theo dự án chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang cổ phần hoá năm 2001, cổ phần hoá 14 năm).

Có tài khoản cấp 2: TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

➤ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

➤ TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

**❖ Xác định kết quả kinh doanh của Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải tháng 12 năm 2010.**

*Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán*

$$= 5,454,680,626 - 3,191,297,900 = 2,263,382,726đ$$

*Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + (Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính) – (Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)*

$$= 2,263,382,726 + (3,146,964 - 403,167,160) - (647,616,720 + 557,056,681)$$

$$= \mathbf{658,689,129đ}$$

*Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác (Thu nhập khác = 0)*

$$= 0 - 16,000,000 = -16,000,000đ$$

⇒ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*

*= Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác*

$$= 658,689,129 + (-16,000,000) = \mathbf{642,689,129đ}$$

*Chi phí thuế TNDN = (Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế \* 10%)\*50%*

$$= (642,689,129 * 10%) * 50\% = \mathbf{32,134,456đ}$$

*Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Chi phí thuế TNDN*

$$= 642,689,129 - 32,134,456 = \mathbf{610,554,673đ}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng, kế toán lập các Phiếu kế toán để thực hiện bút toán kết chuyển.

- Phiếu kế toán số 11/12: xác định thuế TNDN phải nộp trong tháng.
- Phiếu kế toán số 12/12: kết chuyển các tài khoản doanh thu sang bên Có TK 911.
- Phiếu kế toán số 13/12: kết chuyển các tài khoản chi phí sang bên Nợ TK 911.

☛ Căn cứ vào phiếu kế toán số 11/12 lập Chứng từ ghi sổ số 09/12

Căn cứ vào phiếu kế toán số 12/12 lập Chứng từ ghi sổ số 10/12

Căn cứ vào phiếu kế toán số 13/12 lập Chứng từ ghi sổ số 11/12

☛ Từ Chứng từ ghi sổ số 09/12 và Chứng từ ghi sổ số 11/12 lập Sổ cái TK 821.

Từ Chứng từ ghi sổ số 10/12 và Chứng từ ghi sổ số 12/12 lập Sổ cái TK 911, Sổ cái TK 421.

Đơn vị: **Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải**

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 11/12

TT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	32,134,456
	<b>Cộng</b>			<b>32,134,456</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập biểu**

**PHẠM THANH TÙNG**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải**

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 12/12

TT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu BH và cung cấp DV	511	911	5,454,680,626
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3,146,964
	<b>Cộng</b>			<b>5,457,827,590</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập biểu**

**PHẠM THANH TÙNG**

Đơn vị: **Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải**

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 13/12

TT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3,191,297,900
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	403,167,160
3	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	647,616,720
4	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	557,056,681
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	16,000,000
6	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	32,134,456
7	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	610,554,673
	<b>Cộng</b>			<b>5,457,827,590</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập biểu**

**PHẠM THANH TÙNG**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

**Mẫu số S02a- DN**

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 09/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN	821	3334	32,134,456	
<b>Cộng</b>			<b>32,134,456</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Đơn vị:** Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

**Mẫu số S02a- DN**

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 10/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	5,454,680,626	
K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3,146,964	
<b>Cộng</b>			<b>5,457,827,590</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Cty CP chế biến DV thủy sản Cát Hải

**Mẫu số S02a- DN**

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 11/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán	911	632	3,191,297,900	
K/c chi phí tài chính	911	635	403,167,160	
K/c chi phí bán hàng	911	641	647,616,720	
K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	557,056,681	
K/c chi phí khác	911	811	16,000,000	
K/c chi phí thuế TNDN	911	821	32,134,456	
K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	610,554,673	
<b>Cộng</b>			<b>5,457,827,590</b>	

Kèm theo..... chứng từ gốc.

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Mẫu số S02c1 - DN**

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>				
31/12	09/12	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp	3334	32,134,456		
31/12	11/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		32,134,456	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>32,134,456</b>	<b>32,134,456</b>	
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>				

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Mẫu số S02c1 - DN**

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>				
			.....				
31/12	10/12	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		5,454,680,626	
31/12	10/12	31/12	K/c doanh thu tài chính	515		3,146,964	
31/12	11/12	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	3,191,297,900		
31/12	11/12	31/12	K/c chi phí tài chính	635	403,167,160		
31/12	11/12	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	647,616,720		
31/12	11/12	31/12	K/c chi phí QLDN	642	557,056,681		
31/12	11/12	31/12	K/c chi phí khác	811	16,000,000		
31/12	11/12	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	32,134,456		
31/12	11/12	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	421	610,554,673		
			<b>Cộng SPS</b>		<b>5,457,827,590</b>	<b>5,457,827,590</b>	
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

**Mẫu số S02c1 - DN**

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			<b><u>3,442,407,876</u></b>	
31/12	11/12	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	911		610,554,673	
			<b>Cộng SPS</b>		-	<b>610,554,673</b>	
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			<b><u>4,052,962,549</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3****GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI****3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.****3.1.1. Kết quả đạt được:**

Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải từ khi chuyển sang công ty cổ phần đã gặp không ít khó khăn, nhiều lúc tưởng chừng như khó có thể vượt qua được nhưng với tư duy nhạy bén của bộ máy lãnh đạo cùng với sự đoàn kết nhất trí cao của cán bộ công nhân viên Công ty đã dần dần khẳng định được vị thế của mình trên thị trường. Sản phẩm nước mắm Cát Hải với hương vị riêng biệt đã ngày càng trở nên quen thuộc và được người tiêu dùng tin cậy, xứng đáng với danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao.

Công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đang không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực trong quản lý kinh tế và hạch toán kinh doanh của Công ty, góp phần không nhỏ vào việc khẳng định tên tuổi của Công ty trên thị trường.

**❖ Về bộ máy kế toán:**

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng Kế hoạch - kế toán. Việc vận dụng hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, đảm bảo chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng. Thêm vào đó đội ngũ nhân viên phòng kế toán là những người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ, có kiến thức thực tế và tinh thần trách nhiệm cao. Mỗi kế toán viên phụ trách một số phần hành khác nhau nên tạo điều kiện đi sâu vào công việc được giao, có điều kiện phát huy hết khả năng. Cũng vì vậy mà yêu cầu các nhân viên kế toán phải có sự kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn, linh hoạt tạo một môi trường làm việc đoàn kết và hiệu quả. Do vậy phòng kế toán đã làm tốt những nhiệm vụ được giao và làm tham mưu đắc lực cho ban giám đốc về công tác điều hành quản lý.

**❖ Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

*Chứng từ sử dụng:* hệ thống chứng từ kế toán sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Bên cạnh các chứng từ bắt buộc phải có trong việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như: hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi,... công ty còn sử dụng các chứng từ khác nhằm giúp cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện thuận tiện: Bảng tổng hợp doanh thu, bảng tổng hợp số lượng hàng bán, bảng tổng hợp giá vốn.

*Tài khoản, sổ sách sử dụng:* công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách dùng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Công ty tiến hành tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng điều này đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh tạo, điều kiện thuận lợi cho việc ra quyết định về kinh doanh, xử lý các sự cố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

**3.1.2. Hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải còn tồn tại những hạn chế nhất định.

**❖ Về tài khoản sử dụng:**

- Đối với tài khoản 641, tài khoản 642 Công ty không mở tài khoản cấp 2 để phản ánh cụ thể các nội dung chi phí thuộc chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp dẫn đến việc khó theo dõi chi tiết các loại chi phí này.
- Hiện nay Công ty đang sử dụng tài khoản 157 để theo dõi hàng bán tại các cửa hàng là không đúng chế độ.

**❖ Về hệ thống sổ sách sử dụng:**

- Mặt hàng kinh doanh của Công ty gồm nhiều mặt hàng đa dạng mà Công ty lại không mở sổ chi tiết bán hàng từng mặt hàng làm cho việc xác định lợi nhuận của từng mặt hàng rất khó khăn, ảnh hưởng đến quyết định quản trị của lãnh đạo. Mặt khác, Công ty lại không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 641, TK 642 nên không theo dõi chi tiết được các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp thực phát sinh trong kỳ.
- Với hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ”, kế toán không sử dụng Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ điều này ảnh hưởng đến việc tập hợp và đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh vào cuối tháng.

❖ **Về việc sử dụng phần mềm kế toán:**

Công ty đang sử dụng Excel để phục vụ công tác kế toán. Công việc kế toán phải thực hiện khá nhiều, điều này làm cho việc tổng hợp, cung cấp và xử lý thông tin chưa được nhanh chóng và chính xác làm cho nhà quản trị cũng như các nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị không áp dụng phần mềm kế toán sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi người phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác, khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp. Vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, công tác tính toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt lên báo cáo tài chính rất vất vả; việc kiểm tra rà soát sai sót khó khăn vì từ thông tin tổng hợp muốn biết thông tin chi tiết phải qua rất nhiều khâu (lọc chứng từ, xem báo cáo,...).

**3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.**

***3.2.1. Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng:***

• Công ty nên mở một số tài khoản cấp 2 cho tài khoản 641 và tài khoản 642 để phản ánh các nội dung chi phí liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh liên quan. Cụ thể:

- **Tài khoản 641** “ Chi phí bán hàng” nên mở các tài khoản cấp 2 như sau:

+ Tài khoản 6411 : chi phí nhân viên bộ phận bán hàng

+ Tài khoản 6413: chi phí dụng cụ, đồ dùng

+ Tài khoản 6414: chi phí khấu hao TSCĐ

+ Tài khoản 6417: chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Tài khoản 6418: chi phí bằng tiền khác

- **Tài khoản 642** “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” nên mở tài khoản cấp 2 như sau:

+ Tài khoản 6421 : chi phí nhân viên quản lý

+ Tài khoản 6423: chi phí đồ dùng văn phòng

+ Tài khoản 6424: chi phí khấu hao TSCĐ

+ Tài khoản 6425: Thuế, phí, lệ phí

+ Tài khoản 6427: chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Tài khoản 6428: chi phí bằng tiền khác

• Hiện nay Công ty đang sử dụng tài khoản 157 để theo dõi hàng bán tại các cửa hàng là không đúng chế độ. Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 155 để theo dõi hàng bán tại các cửa hàng, cụ thể:

- TK 1551: theo dõi hàng bán tại trung tâm Máy Chai.
- TK 1552: theo dõi hàng bán tại cửa hàng dịch vụ tổng hợp.
- TK 1553: theo dõi hàng bán tại cửa hàng Tam Bạc.
- TK 1554: theo dõi hàng bán tại cửa hàng An Đồng.
- TK 1555: theo dõi hàng bán tại chi nhánh Hà Nội.

***Ví dụ:***

✓ Khi Công ty chuyển hàng lên cho trung tâm Máy Chai, căn cứ vào phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 1551

Có TK 155

✓ Cuối tháng, trung tâm Máy Chai chuyển Bảng kê bán hàng trong tháng và Báo cáo kho về công ty, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 632

Có TK 1551

***3.2.2. Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng:***

• Về việc mở sổ chi tiết bán hàng, sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 641, TK 642:

- Sử dụng sổ chi tiết bán hàng giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ cũng như lợi nhuận gộp đối với từng mặt hàng.

- Sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí, giúp Công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và đưa ra biện pháp nhằm làm giảm chi phí trong quá trình kinh doanh của Công ty.

Dưới đây là mẫu sổ chi tiết bán hàng, sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính:

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			<b>Cộng số phát sinh</b>						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Ngày... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S36 - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 632, 641, 642, 142, 242,335)

Tài khoản:.....

Tên phân xưởng:.....

Tên sản phẩm dịch vụ:.....

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	...	...	...	...
			<b><u>SDDK</u></b>							
			Cộng SPS							
			<b><u>SDCK</u></b>							

Ngày.... tháng.....năm....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)



### *Ví dụ:*

- Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ trong mục 2.2.1.1 ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào các sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng. Cụ thể, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0024811 để vào sổ chi tiết bán hàng cho mặt hàng 1 và mặt Ông sao 0,75.

☛ Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp giá vốn vào sổ chi tiết bán hàng phân giá vốn hàng bán cho mặt hàng 1 và mặt Ông sao 0,75.

- Với ví dụ tại mục 2.2.2.2 ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 641, TK 642. Cụ thể, kế toán căn cứ vào ủy nhiệm chi số 26/12 để vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 641 và phiếu chi số 68/12 để vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP chế biến DVTS Cát Hải

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): **mắm hạng 1**

Tháng 12 năm

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
01/12	98904	01/12	Bán cho Bà Diễm (Quán Toan)	131	200	5,400	1,080,000		
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....	.....		
08/12	24802	08/12	Bán cho Ông Phúc (Cát Hải)	111	60	5,400	324,000		
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....	.....		
15/12	24811	15/12	Bán cho Bà Sáu (Cát Hải)	111	100	5,400	540,000		
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....	.....		
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>62,522</b>	<b>5,400</b>	<b>337,618,800</b>		
			- Doanh thu thuần				<b>337,618,800</b>		
			- Giá vốn hàng bán				<b>187,566,000</b>		
			- Lãi gộp				<b>150,052,800</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP chế biến DVTS Cát Hải

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): **mắm Ông sao 0,75**

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....	.....		
02/12	98959	02/12	Bán cho Ông Chung (Nam Định)	111	12	70,000	840,000		
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....	.....		
15/12	24811	15/12	Bán cho Bà Sứ (Cát Hải)	111	05	70,000	350,000		
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....	.....		
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2936</b>	<b>70,000</b>	<b>205,520,000</b>		
			- Doanh thu thuần				<b>205,520,000</b>		
			- Giá vốn hàng bán				<b>146,800,000</b>		
			- Lãi gộp				<b>58,720,000</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Đơn vị:** Công ty CP chế biến DVTS Cát Hải

**Địa chỉ:** Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

**Mẫu số S36 - DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

**Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra					
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	6411	6413	6414	6417	6418	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>									
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/12	UNC26/12	25/12	Đăng thông tin trên tạp chí	112	5,454,545							5,454,545
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	BL T12	31/12	Tính lương bán hàng	334	223,607,000		223,607,000					
31/12	BL T12	31/12	Tính các khoản trích theo lương	338	17,318,000		17,318,000					
31/12	BPB T12	31/12	Phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	142	18,952,000			18,952,000				
31/12	BKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ T12	214	14,600,000				14,600,000			
31/12	PKT 13	31/12	K/c vào TK 911	911			647,616,720					
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>647,616,720</b>	<b>647,616,720</b>	<b>240,925,000</b>	<b>18,952,000</b>	<b>14,600,000</b>	<b>197,588,830</b>	<b>175,550,890</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP chế biến DVTS Cát Hải

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

Mẫu số S36 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra					
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	6421	6423	6424	6425	6417	6418
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>									
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...	...	...	...
26/12	PC 68/12	26/12	Chi tiếp khách	111	1,200,000							1,200,000
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	BL T12	31/12	Tính lương bộ phận quản lý	334	233,123,000	233,123,000						
31/12	BL T12	31/12	Tính các khoản trích theo lương	338	12,857,000	12,857,000						
31/12	BPB T12	31/12	Phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	142	4,780,000			4,780,000				
31/12	BKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ T12	214	3,000,000				3,000,000			
31/12	PKT 13	31/12	K/c vào TK 911	911			557,056,681					
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>557,056,681</b>	<b>557,056,681</b>	<b>245,980,000</b>	<b>4,780,000</b>	<b>3,000,000</b>	<b>0</b>	<b>52,733,931</b>	<b>250,562,750</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

• Công ty sử dụng hình thức ghi sổ”chứng từ ghi sổ”, vì vậy kế toán Công ty nên sử dụng Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là sổ kế toán tổng hợp được ghi theo thời gian, phản ánh toán bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng. Tổng số tiền trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ bằng tổng số phát sinh bên Nợ hoặc bên Có của các tài khoản trong sổ cái (hay bảng cân đối số phát sinh). Điều này giúp cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu được chính xác và nhanh chóng. Vì vậy, Công ty nên sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để phù hợp với hình thức kế toán sử dụng. Dưới đây là mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ:

Đơn vị:.....

**Mẫu số S02b - DN**

Địa chỉ:.....

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
<b>Cộng</b>		

*Ngày.... Tháng... năm ....*

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ được lập trong chương 2, em xin lập lập sổ đăng ký chứng từ tháng 12 năm 2010 cho Công ty như sau:

Đơn vị: Cty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

**Mẫu số S02b - DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/12	31/12	7,778,686,202
02/12	31/12	8,485,974,398
03/12	31/12	4,711,543,068
04/12	31/12	6,600,758,561
05/12	31/12	5,952,168,802
.....	.....	.....
08/12	31/12	3,191,297,900
09/12	31/12	32,134,456
10/12	31/12	5,457,827,590
11/12	31/12	5,457,827,590
<b>Cộng</b>		<b>63,177,444,424</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

### **3.2.3. Giải pháp về việc sử dụng phần mềm kế toán:**

Việc sử dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán kế toán có nhiều thuận lợi sau:

\_ Nâng cao hiệu suất làm việc, hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý.

\_ Tiết kiệm thời gian làm việc, giảm bớt những sai sót mà kế toán viên thường mắc phải trong công tác hạch toán thủ công. Hơn nữa một phần mềm kế toán được thiết kế tốt sẽ hỗ trợ cho việc ứng dụng các quy trình kế toán và các biện pháp kiểm soát nội bộ chất lượng.

Hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán Công ty có thể lựa chọn một phần mềm phù hợp với Công ty. Sau đây em xin đưa ra một số phần mềm phổ biến hiện nay:

#### ***Phần mềm kế toán BRAVO***

Phần mềm kế toán BRAVO được xây dựng và phát triển trên cơ sở thực tế quản trị - quản trị tài chính của doanh nghiệp và các quy định của Bộ tài chính cùng với các chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam. Phần mềm kế toán BRAVO không chỉ đáp ứng những yêu cầu quản lý thông thường mà còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện. Với BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận trong doanh nghiệp được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chông chéo (dữ liệu được nhập tại một đầu vào và sử dụng qua nhiều bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

Giao diện của phần mềm kế toán BRAVO:





### ***Phần mềm kế toán SAS INNOVA (phiên bản 6.8)***

SAS INNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của công ty SIS Việt Nam, được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ tài chính. Với SAS INNOVA 6.8 doanh nghiệp chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh, chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Một số tính năng nổi bật của SAS INNOVA là: người sử dụng chỉ việc lựa chọn các giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự ( kế thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau với chức năng copy chứng từ), cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên hóa đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi tiền với hóa đơn mua hàng, đưa vào trợ giúp quy trình mẫu, kiến thức thuế, kế toán tài chính, các quy chế nội bộ,...Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm:



## ***Phần mềm kế toán FAST***

- FAST ACCOUNTING (phiên bản 10.0) mang những tính năng nổi bật như: có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm,...), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập liệu này sang màn hình nhập liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng 2 ngôn ngữ Việt và Anh... Đây là dòng sản phẩm truyền thống của FAST và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

- FAST BUSINESS (phiên bản 3.1) được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là doanh nghiệp lớn. Đây là giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp với 5 module: tài chính kế toán, quản lý phân phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự và quản lý mối quan hệ khách hàng.

- FAST FINANCIAL: là dòng sản phẩm trung gian giữa FAST ACCOUNTING và FAST BUSINESS, hướng tới doanh nghiệp vừa và lớn, tính năng của phần mềm FAST FINANCIAL : cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn, khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạng thích hợp với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng.

Giao diện của phần mềm kế toán FAST



## KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chính xác, kịp thời và đúng đắn sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay. Trên cơ sở đó các nhà quản lý doanh nghiệp cũng có những phương án thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, cùng với những lý luận được học tại trường, đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn em đã mạnh dạn tìm hiểu và đi sâu vào đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải”***. Khóa luận đã đề cập và giải quyết một số vấn đề tổ chức bộ máy công tác kế toán và việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

Nội dung của đề tài này khá rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có kiến thức vững vàng và kinh nghiệm thực tiễn. Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em mong được sự chỉ bảo, góp ý cũng như phê bình từ phía các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn các cô chú, anh chị trong phòng Kế hoạch - Kế toán của Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải đã giúp em trong thời gian qua. Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương cùng toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này./.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

**Lê Việt Phương**

## Tài liệu tham khảo

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1 và quyển 2) Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
- 2/ Chuẩn mực kế toán số 14.
- 3/ Các sổ sách, chứng từ kế toán của công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải năm 2010.
- 4/ Một số khóa luận tốt nghiệp của các khóa trước tại thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.